



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2016

GIỚI THIỆU CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (ELCOM) là một trong những công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam chuyên cung cấp các sản phẩm phần mềm và tích hợp hệ thống cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng, các giải pháp chìa khóa trao tay và các dịch vụ kỹ thuật cho ngành Viễn thông, An ninh quốc phòng, Giao thông vận tải, Chính phủ... đồng thời là đơn vị phân phối, là cầu nối hoàn hảo cho các đối tác toàn cầu muốn kết nối với thị trường Việt Nam.

Trải qua hơn 20 năm phát triển và trưởng thành, ELCOM tự hào là chuyên gia số 1 trong các mảng thị trường chuyên biệt mà mình lựa chọn tham gia.

Trụ sở chính

Tòa nhà ELCOM, Duy Tân, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Tel: +84.4 38 359 359 / Fax: +84.4 38 355 884

Chi nhánh ELCOM Hồ Chí Minh

Số 162/12 đường Bình Lợi, Phường 13, quận Bình Thạnh, TP HCM
Tel: +84.8 35 534 980/81 / Fax: +84.8 35 534 970

www.elcom.com.vn





Ông Phan Chiên Thắng
Chủ tịch HĐQT

THÔNG ĐIỆN TỪ CHỦ TỊCH HĐQT

Thưa quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và toàn thể Elcomers,

Có thể nói, 2016 là một năm đáng ghi nhận của ELCOM!

Trong bối cảnh ngành CNTT Việt Nam đang đứng trước nhiều vận hội to lớn, ELCOM đã có nhiều thay đổi mang tính chiến lược nhằm bắt kịp xu thế thời đại và thể hiện tầm nhìn dài hạn của mình.

Giờ đây, bên cạnh mảng thị trường trọng điểm Viễn thông, ELCOM đã vươn lên phát triển trọng tâm 3 mảng thị trường có thể mạnh như Giao thông vận tải, An ninh Quốc phòng, Nông nghiệp công nghệ cao và nhận được sự tin tưởng, đánh giá cao từ khách hàng, đối tác. Với lợi thế công nghệ sẵn có, chúng tôi tin rằng ELCOM cũng sẽ gặt hái được những thành công như đã làm được ở mảng Viễn thông.

Bên cạnh đó, chúng tôi đã giải quyết được bài toán ổn định doanh thu và phát triển bền vững. Điều này đến từ sự chủ động của ELCOM trong việc tìm ra những hướng đi mới để tận dụng và phát huy ưu thế nội tại. Trong những năm qua, bên cạnh việc hoàn thành tốt các dự án triển khai quan trọng cho đối tác, chúng tôi cũng đã lên kế hoạch đẩy mạnh phát triển mảng sản phẩm dịch vụ như bảo trì bảo dưỡng, chia sẻ doanh thu, kinh doanh sản phẩm hướng đến đối tượng người tiêu dùng đầu cuối... Chính sách lược mang tính bước ngoặt này đã giúp ELCOM nâng cao khả năng chủ động và tạo đà cho những sản phẩm mới bắt nhịp thị trường và “đón sóng” công nghệ.

Những tín hiệu phản hồi tích cực trong năm 2016 vừa qua đã phần nào chứng minh được chiến lược của ELCOM đang đi đúng hướng, Các cổ đông có thể tin tưởng vào sự tăng trưởng của chúng tôi cũng như năng lực của bộ máy quản trị và sức sáng tạo bền bỉ của đội ngũ Elcomers.

Năm 2017 được dự đoán là ẩn chứa nhiều thách thức. Nhìn nhận được điều ấy, ELCOM với tâm thế chủ động đã chuẩn bị kỹ càng để tiến vào giai đoạn 2016-2020 thận trọng và vững vàng. Chúng tôi hướng đến phát triển bền vững, xây dựng công ty ngày càng lớn mạnh và đảm bảo lợi ích của cổ đông. Với chiến lược mới cùng sự đồng lòng của toàn thể ELCOM, chúng tôi sẽ nỗ lực hết sức mình để không phụ sự kỳ vọng của quý vị, đúng như giá trị cốt lõi mà ELCOM theo đuổi bấy lâu là TINH – TÂM – TRÍ – TÍN.

Xin cảm ơn quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác và tập thể Elcomers vì đã tin tưởng đồng hành cùng ELCOM trong suốt thời gian qua, và hãy tiếp tục sát cánh cùng chúng tôi trên chặng đường mới, hướng tới chinh phục mục tiêu 2016-2020.

Trân trọng,

Thay mặt HĐQT

Chủ tịch

Phan Chiên Thắng



CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT 2016

1995
2010
50
2016

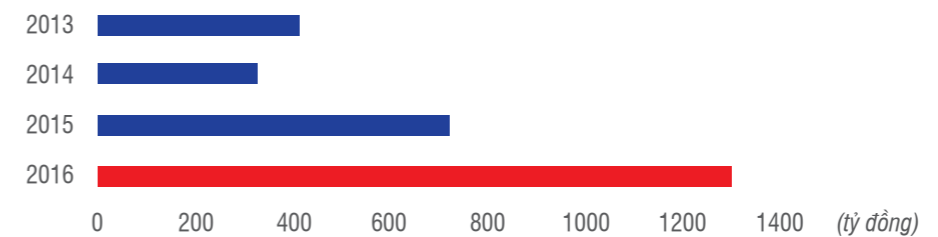
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông (ELCOM)
Thành lập ngày 15/12/1995

ELCOM trở thành công ty đại chúng với
mã chứng khoán ELC năm 2010

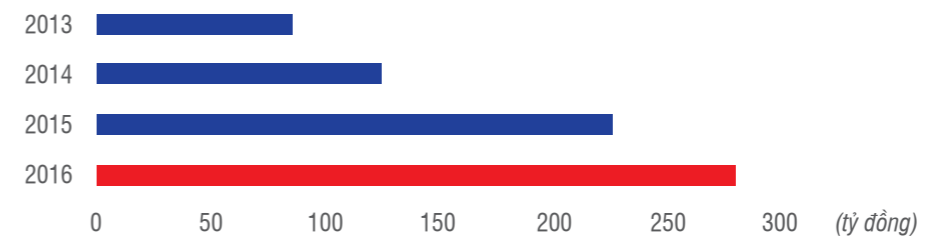
ELCOM nằm trong top 50 doanh nghiệp
công nghệ thông tin hàng đầu Việt Nam

Doanh thu năm 2016 của ELCOM
đạt : 1.300 tỷ

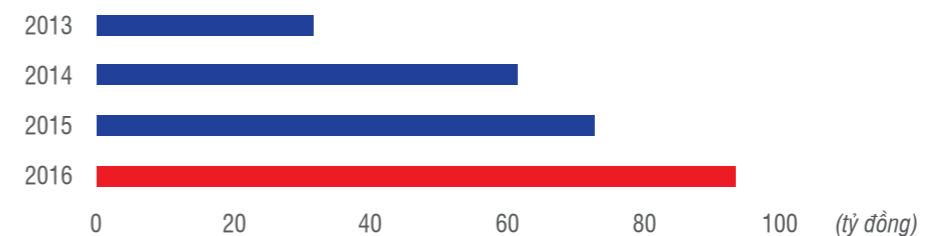
DOANH THU THUẦN NĂM 2016 TĂNG TRƯỞNG 80%, ĐẠT 1.300 TỶ ĐỒNG



LỢI NHUẬN GỘP NĂM 2016 TĂNG TRƯỞNG 24%, ĐẠT 281 TỶ ĐỒNG



LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2016 TĂNG TRƯỞNG 28%, ĐẠT 94,1 TỶ ĐỒNG



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH



HOẠT ĐỘNG R&D



**CUNG CẤP GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI,
TÍCH HỢP HỆ THỐNG**



**CUNG CẤP CÁC NỀN TẢNG (PLATFORM)
DỊCH VỤ CHIA SẺ DOANH THU**



**CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ BẢO HÀNH, BẢO TRÌ CÁC HỆ THỐNG CNTT VÀ HẠ TẦNG
TRUYỀN DẪN**



CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ ĐẾN NGƯỜI DÙNG ĐẦU CUỐI (END USER)

HOẠT ĐỘNG R&D

Đây là một trong những thế mạnh và giá trị chính của ELCOM. Với chất lượng đội ngũ, các giải pháp sản phẩm đã cung cấp cho khách hàng, ELCOM đã khẳng định vị trí, uy tín cao nhất tại các khách hàng mình cung cấp. Hoạt động R&D cũng là cơ sở để các mảng hoạt động khác của ELCOM vẫn hướng tới giá trị công nghệ cao khi cung cấp ra thị trường.

CUNG CẤP GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI, TÍCH HỢP HỆ THỐNG

Dựa vào thế mạnh về R&D, ELCOM cũng lựa chọn thêm hoạt động này để có thể tạo ra những giải pháp sản phẩm lớn hơn, tốt hơn cho khách hàng của mình. Đây là sự kết hợp hoàn hảo giữa sản phẩm ELCOM và sản phẩm các đối tác của mình để mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, người dùng tại Việt Nam. Ở lĩnh vực này, ELCOM cũng là một trong những công ty có uy tín nhất với các đối tác lớn và khách hàng.

CUNG CẤP CÁC NỀN TẢNG (PLATFORM) DỊCH VỤ CHIA SẺ DOANH THU

Đây là lĩnh vực mang lại doanh thu, lợi nhuận ổn định nhất cho ELCOM. Các giải pháp dịch vụ đều dựa trên những thế mạnh ELCOM đã có tại khách hàng, các thế mạnh R&D và xu hướng người dùng. Đây là một trong những hình thức làm gia tăng tốt các giá trị công nghệ, giải pháp sản phẩm, các mối quan hệ khách hàng mà ELCOM đã và đang có được.

CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ BẢO HÀNH, BẢO TRÌ CÁC HỆ THỐNG CNTT VÀ HẠ TẦNG TRUYỀN DẪN

Bằng khả năng công nghệ, sự am hiểu, ELCOM đã và đang là đơn vị đi tiên phong trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ cao tại thị trường Việt Nam, không những cho các giải pháp của mình mà còn cả khả năng tùy biến sản phẩm, cung cấp dịch vụ cho các sản phẩm, giải pháp nước ngoài.

CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ ĐẾN NGƯỜI DÙNG ĐẦU CUỐI (END USER)

Đây là một hoạt động chiến lược dài hạn của ELCOM nhằm xây dựng được tập người dùng riêng của mình trên cơ sở xu hướng người dùng, xu hướng công nghệ và các thế mạnh về các sản phẩm, dịch vụ, khách hàng mình đang có. Dự định đây sẽ là lĩnh vực mang lại giá trị lớn và ổn định cho ELCOM trong những năm tới.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

1995

Công ty TNHH Đầu tư phát triển CNTT VT (ELCOM) được thành lập. Trụ sở đặt tại 12A Lý Nam Đế, Ba Đình, Hà Nội



1999

Sản phẩm EYS Khắc phục sự cố máy tính Y2K mang đến cho ELCOM tiếng vang đầu tiên trong cộng đồng doanh nghiệp CNTT Việt Nam



2004

ELCOM chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELCOM JSC.)

Thành lập các công ty con ELCOM Ltd trực thuộc; thành lập Chi nhánh ELCOM tại Thành phố Hồ Chí Minh



2007

Tăng trưởng đột biến 193,7% so với năm 2006

Chính thức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do BVQI chứng nhận và được ANAB (Hoa Kỳ) công nhận



2010

Cổ phiếu ELC chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM



2012

Khánh thành toà nhà ELCOM Building tại Phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội



2014

ELCOM nằm trong top 30 doanh nghiệp công nghệ thông tin tiêu biểu năm 2014 do Hiệp hội phần mềm Vinasat trao tặng



2016

ELCOM nằm trong top 50 doanh nghiệp CNTT hàng đầu Việt Nam năm 2016 hạng mục Phần mềm, Giải pháp & Dịch vụ CNTT

Được bình chọn là một trong 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2016

ELCOM chính thức mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ sang thị trường châu Mỹ

Hoàn thành triển khai dự án quan trọng đường trục truyền dẫn Bắc Nam cho đối tác chiến lược MobiFone



1998

Thành lập Trung tâm Đào tạo phát triển phần mềm (SDTC)



2001

Tăng trưởng đột biến về doanh số với mức tăng trưởng đạt 42%.



2006

Thành lập Công ty cổ phần Vật liệu mới (ELCOM Industry) hoạt động trên các lĩnh vực Chế tạo và sản xuất các sản phẩm từ nhựa Composite



2008

Trung tâm nghiên cứu và đào tạo phần mềm (SDTC) chuyển đổi thành Công ty TNHH Giải pháp phần mềm ELCOM (ESOFT)



2011

ELCOM ký hợp đồng về hệ thống quản lý giao thông trên biển VTS, ELCOM bước những bước đi mới vào thị trường giao thông



2013

ELCOM đã làm chủ hoàn toàn công nghệ giám sát vệ tinh VSAT và Inmasat – C, một loại vệ tinh phục vụ cho an ninh quốc phòng



2015

Khẳng định sự thành công trong thị trường Giao thông vận tải (VTS, WIM, Thu phí, ITS) ELCOM nằm trong Top 40 doanh nghiệp CNTT hàng đầu VN; Bằng khen thủ tướng chính phủ

CÁC MẢNG GIẢI PHÁP CHÍNH

GIẢI PHÁP MẠNG VIỄN THÔNG

Cung cấp các giải pháp Viễn thông giá trị gia tăng điển hình là giải pháp hệ thống nhạc chuông chờ được ứng dụng cho các nhà mạng di động lớn trong nước và thị trường nước ngoài.

Cung cấp, tích hợp các giải pháp ứng dụng OSS BSS, kết nối mềm dẻo các hệ thống lõi, platform với hệ thống tính cước của các nhà mạng di động.

Cung cấp các giải pháp ứng dụng phục vụ các tiện ích sử dụng của thuê bao trên nền tảng 4G.

Cung cấp các giải pháp truyền dẫn có dây và không dây (DWDM, Viba) tạo đường trục thông tin xương sống cho mạng di động.

GAO THÔNG THÔNG MINH

Tiếp tục phát triển Hệ thống giao thông thông minh (ITS) thêm các tính năng và ứng dụng thông minh khác nhằm giảm tối đa vai trò tác động con người trong việc quản lý điều hành giao thông, phù hợp với hạ tầng về phương tiện giao thông hiện có, đồng thời tăng thêm các tiện ích, kết hợp các dịch vụ khác cho phép người sử dụng và tham gia giao thông có lợi ích nhiều hơn.

Phát triển các giải pháp ITS ứng dụng giao thông thông minh nội đô (Smart City, Safe City) hướng tới mục tiêu các đô thị, thành phố văn minh, tiện dụng và an toàn. Việc áp dụng ITS đã giúp mọi người thực sự nhận thức được sự tiện nghi và thuận lợi trong các mặt của cuộc sống.

GIẢI PHÁP HẠ TẦNG CNTT - IT INFRASTRUCTURE

Trong năm vừa qua, ELCOM với chiến lược song hành với các đối tác hàng đầu của các tập đoàn công nghệ thế giới như HP, IBM, Oracle, EMC, Cisco, F5... đã được khách hàng tin tưởng lựa chọn là nhà cung cấp lâu dài, các giải pháp hạ tầng cơ sở CNTT như:

- Giải pháp hạ tầng mạng
- Giải pháp hệ thống máy chủ và lưu trữ
- Giải pháp Ảo hoá và điện toán đám mây
- Giải pháp Truyền thông hợp nhất
- Giải pháp An ninh, an toàn, bảo mật mạng
- Giải pháp cảnh báo, quản trị hệ thống...

GIẢI PHÁP AN NINH – SECURITY & INTELLIGENCE/ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU.

Tập trung phát triển thành các bộ giải pháp an ninh và security đa năng, kết hợp thành các giải pháp tổng thể, ứng dụng nhiều khách hàng theo các nhu cầu khác nhau:



GIẢI PHÁP NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Theo chỉ đạo của chính phủ về đẩy mạnh và phát triển ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp. Công ty ELCOM đã hoàn thiện các giải pháp nông nghiệp công nghệ cao đưa vào sử dụng, tập trung trước mắt vào các công nghệ chăm sóc tự động các loại rau và hoa màu bằng giải pháp Egreen, cung cấp hệ thống nhà màng tươi tiêu, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường nhà màng tự động quy mô lớn. Hướng phát triển tiếp theo thành lập các ngân hàng dữ liệu về quy trình phát triển và chăm sóc các loại cây, hoa màu, để quy chuẩn thành dịch vụ cung cấp dữ liệu, cũng như đưa ra các giải pháp toàn diện trong lĩnh vực này.



KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

Với hơn 20 năm kinh nghiệm tham gia vào các mảng thị trường chuyên biệt, ELCOM giờ đây không đơn thuần là nhà cung ứng các sản phẩm, dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu khách hàng, mà hơn thế nữa, chúng tôi cùng khách hàng tìm ra nhu cầu của chính họ. Bằng sự am hiểu sâu sắc thị trường, ELCOM luôn chủ động đứng về phía khách hàng của mình để xây dựng các bài toán và đưa ra các giải pháp tối ưu nhất, toàn diện và triệt để nhất cho các vấn đề, nhờ vậy tối ưu hoá chi phí và giảm thiểu rủi ro cho khách hàng, đối tác. Qua đó chúng tôi xây dựng mối liên kết bền chặt, hợp tác trong dài hạn với khách hàng của mình.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG NGHỆ CỦA ELCOM

Với việc lựa chọn SMAC/SMACSI: Social (Xã hội), Mobile (Di động), Analytics (Phân tích, dựa trên Dữ liệu lớn) và Cloud (Đám mây) / Security (Bảo đảm An ninh) và Intelition Transport (Giao thông thông minh); làm định hướng phát triển công nghệ. Trong năm vừa qua, Công ty đã tiên hành nghiên cứu công nghệ để đưa ra các giải pháp, ứng dụng đón đầu theo xu hướng trên, tập trung trước mắt vào các mảng chính

Nghiên cứu các công nghệ lõi về phân tích dữ liệu lớn (Big Data), kết hợp với các công nghệ, chặn thu, trinh sát, giám sát hình thành các giải pháp tổng thể và chuyên biệt cho các khách hàng An ninh, Quốc phòng và chính phủ.

Nghiên cứu công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data)/ Điện toán đám mây (Cloud) kết hợp các công nghệ nền tảng Viễn thông/di động (3G/4G) để có các ứng dụng, giải pháp chiếm lĩnh thị trường rộng lớn của người dùng Smart Phone, Social Network, đây là thị trường tiềm năng đem lại các lợi ích lâu dài và bền vững sau này đặc biệt với việc bùng nổ về các dịch vụ OTT khi công nghệ 4G được triển khai.

Nghiên cứu các công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) kết hợp các công nghệ nền tảng về giao thông RFID, đưa ra các giải pháp về giao thông thông minh ITS và các giải pháp về Smart City/ Safe City.

Nghiên cứu các công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data) kết hợp với các công nghệ về điều khiển tự động đưa ra các giải pháp phục vụ nông nghiệp công nghệ cao, các trung tâm cung cấp dữ liệu về quy trình, phương pháp, dữ liệu chuẩn hóa chăm sóc các loại cây, hoa màu trong nông nghiệp.

KHỐI AN NINH - QUỐC PHÒNG



KHỐI GIAO THÔNG - VẬN TẢI



KHỐI VIỄN THÔNG



KHỐI CHÍNH PHỦ



KHỐI DOANH NGHIỆP



VĂN HÓA DOANH NGHIỆP



21 năm hình thành và phát triển đã tạo nên một ELCOM không chỉ là một doanh nghiệp lớn mạnh trên nhiều phương diện mà còn tạo dựng nên một văn hóa, một cốt cách ELCOM với những đặc trưng riêng có, rất đáng tự hào. Đó chính là lợi thế cạnh tranh, là sức mạnh để ELCOM luôn vững tin vượt qua mọi khó khăn, thách thức để vững bước trên con đường phát triển.

Văn hóa doanh nghiệp ELCOM tiếp tục được phát triển tạo gắn kết, hòa đồng để hỗ trợ cho việc xây dựng các tập thể vững mạnh, phối hợp công việc nhuần nhuyễn và hiệu quả, qua đó thúc đẩy văn hóa công việc đạt tính dứt điểm cao.

Văn hóa doanh nghiệp ELCOM hướng tới tạo các cá nhân tập thể khỏe mạnh, nhiệt huyết, năng động thông qua các câu lạc bộ thể thao, văn hóa như CLB Yoga (ELCOM Yoga Club – EYC), CLB Zumba (ELCOM Zumba Club), CLB Chụp ảnh (Chụp Club), CLB Bóng đá (ELCOM Football Club – EFC), CLB Bơi lội (ELCOM Swimming Club – ESC)...

Văn hóa doanh nghiệp ELCOM hướng tới thúc đẩy tính sáng tạo, chủ động, thông qua các câu lạc bộ như CLB ươm mầm sáng tạo (Coffee Group Club – CGC), các phong trào thi đua sáng tạo về chuyên môn như Speed Up, Vào Hạ, qua đó vừa trao đổi các kỹ năng kinh nghiệm lẫn nhau cũng như khơi tạo được các ý tưởng đột phá giúp ích cho các ứng dụng thực tiễn về công nghệ, sản phẩm và công tác quản trị hoạt động của mình.

Văn hóa doanh nghiệp ELCOM hướng tới một ELCOM có trách nhiệm với cá nhân, có trách nhiệm với cộng đồng, trân trọng bảo vệ môi trường làm việc cũng như môi trường tự nhiên của xã hội, biết chia sẻ, yêu thương giúp đỡ thông qua các hoạt động xã hội từ thiện, các hoạt động bảo vệ môi trường. Hàng năm ELCOM đều trích quỹ riêng để thực hiện chương trình trao học bổng cho học sinh nghèo, tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em nghèo vùng cao và cứu trợ cho đồng bào gặp thiên tai, bão lũ trong

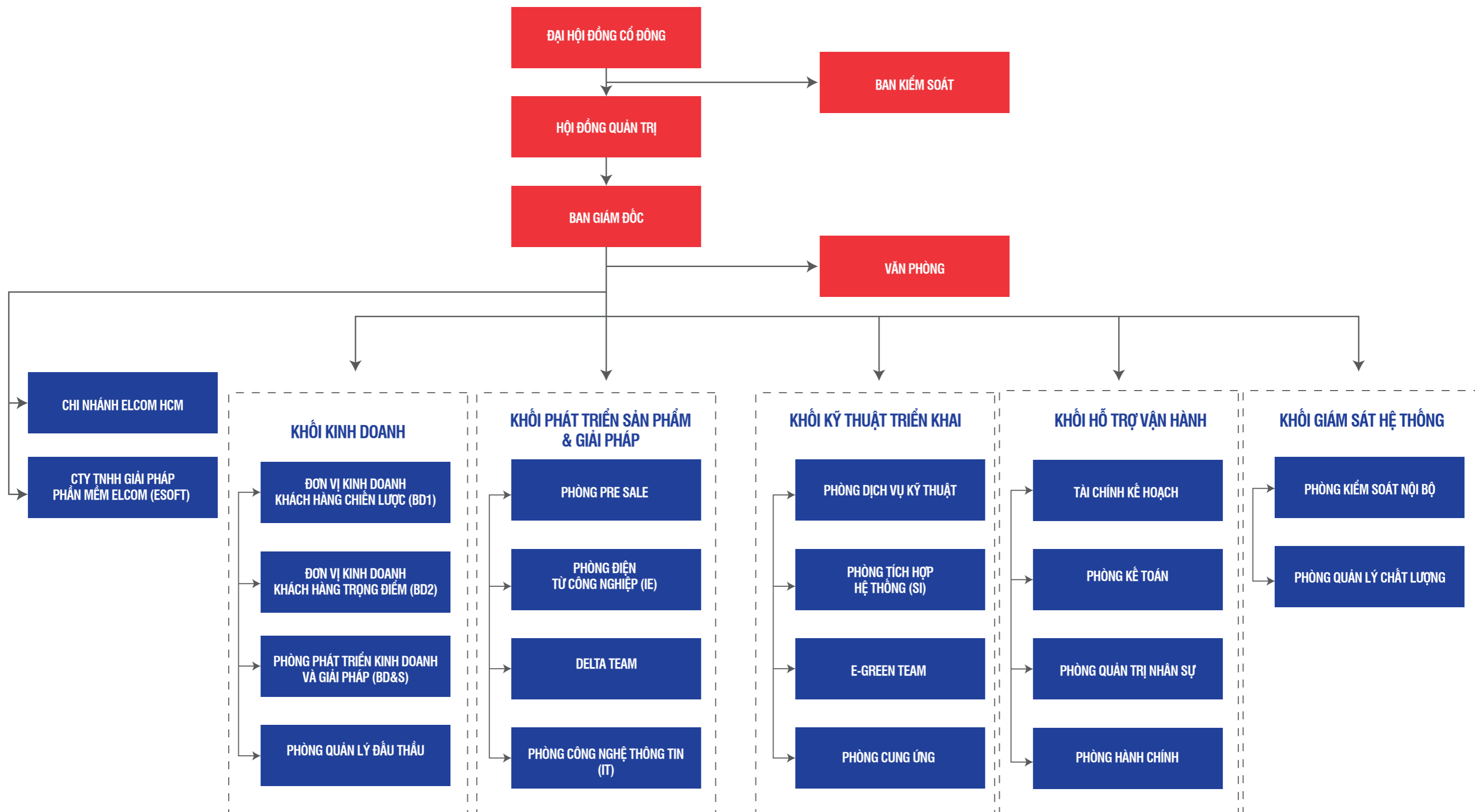
cả nước. Chủ trương của ELCOM là giáo dục và định hướng cho hơn 400 nhân viên của mình sống có trách nhiệm hơn với xã hội. Với những chương trình từ thiện mà ELCOM đã thực hiện vừa qua đã chia sẻ phần nào những khó khăn với đồng bào bị thiên tai, bão lũ, những hộ gia đình nghèo ở các địa phương.

Bên cạnh đó, ELCOM Corp. còn tích cực tham gia và hưởng ứng các hoạt động tiết kiệm và bảo vệ môi trường như: Hưởng ứng chiến dịch Earthhour - “Giờ Trái đất”, kêu gọi mọi người cùng chung tay bảo vệ hành tinh, góp phần gìn giữ ngôi nhà chung của nhân loại; chương trình tiết kiệm năng lượng điện và phòng chống cháy nổ; chiến dịch bảo vệ động vật quý hiếm... và còn rất nhiều hoạt động khác mà Công ty ELCOM Corp. đã, đang và sẽ thực hiện trong thời gian tới, đó cũng chính là trách nhiệm của ELCOM đối với cộng đồng.

Từ các phong trào thi đua sáng tạo về chuyên môn cho đến những hoạt động vui chơi giải trí đều được CBNV hưởng ứng, tham gia vô cùng đông đảo và hết mình, góp phần to lớn tô điểm cho bức tranh phác họa về một ELCOM đa dạng, đầy sắc màu.

Văn hóa doanh nghiệp là nền tảng, nguồn cội, gốc rễ cho sự phát triển bền vững. Để làm được điều đó, ELCOM đã xây dựng nên một tập thể vững mạnh với mỗi thành viên là một nét tính cách riêng biệt “hòa nhập nhưng không hòa tan” trong ngôi nhà chung ELCOM – chất keo gắn kết nhân viên với công ty một cách bền vững cũng giống như một “vũ khí văn hóa”, giúp ELCOM có thể ngày càng phát triển thịnh vượng và tiếp tục truyền cảm hứng tới các thế hệ sau của ELCOM.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



DỮ LIỆU THÔNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

THÔNG TIN CHUNG VỀ CỔ PHIẾU ELC

- Đến ngày 31/12/2016, tổng số cổ phiếu của ELC là 46.597.375 cổ phần phổ thông. Trong đó, có 39.392.375 cổ phiếu tự do chuyển nhượng và 7.205.000 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Công ty.

- Phát hành thêm cổ phiếu: Trong năm 2016, Công ty đã phát hành 800.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động để tài trợ cho chương trình ESOP năm 2016 và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015 theo tỷ lệ 10%/cổ phiếu.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TẠI NGÀY 31/12/2016)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập	12.385.073				
	<i>Trong nước</i>	12.385.073	26,58	5		5
	<i>Nước ngoài</i>					
3	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	20.205.798	43,36	5	5	
	<i>Trong nước</i>	11.125.983	23,88	2	2	
	<i>Nước ngoài</i>	9.079.815	19,49	3	3	
4	Công đoàn Công ty					
	<i>Trong nước</i>					
	<i>Nước ngoài</i>					
5	Cổ phiếu quỹ	116.500	0,25	1	1	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi					
7	Cổ đông khác	13.890.004	29,81	554	30	524
	<i>Trong nước</i>	12.921.173	27,73	515	21	494
	<i>Nước ngoài</i>	968.831	2,08	39	9	30
	TỔNG CỘNG	46.597.375	100,00	565	36	529
	<i>Trong nước</i>	36.548.729	78,44	523	24	499
	<i>Nước ngoài</i>	10.048.646	21,56	42	12	30

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Thị Bạch Nhật	Mẹ của ông Phan Chiên Thắng - Chủ tịch HĐQT	277.158	0,67	173.646	0,37	Bán
2	Phan Thanh Tú	Anh trai của ông Phan Chiên Thắng - Chủ tịch HĐQT	350.574	0,85	348.199	0,75	Bán
3	Phan Chiên Thắng	Chủ tịch HĐQT	3.287.763	7,91	3.843.223	8,25	Mua
4	Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT	2.381.817	5,73	1.107.409	2,38	Bán, mua
5	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	3.251.070	7,82	2.695.890	5,79	Bán, mua
6	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	2.181.751	5,25	2.508.836	5,38	Mua
7	Ngô Trọng Hiếu	Em trai ông Ngô Ngọc Hà – Thành viên HĐQT	1.138.536	2,74	252.389	0,54	Bán
8	Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	1.977.134	4,76	2.229.715	4,79	Mua
9	Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	12.603	0,03	16.602	0,04	Mua
10	Đặng Thị Thanh Minh	Kê toán trưởng	66.401	0,16	82.017	0,18	Mua

SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ CỔ ĐÔNG LỚN TẠI NGÀY 31/12/2016

	Tên cổ đông	Chức danh/Quan hệ với Công ty	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	8.223.633	17,65%
2	Công ty TNHH Đầu tư DT&T	Cổ đông lớn	2.902.350	6,23%
3	Vietnam Equity Holding	Cổ đông lớn	2.372.703	5,09%
4	Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	Cổ đông lớn	4.171.348	8,95%
5	Pyn Elite Fund (Non-ucits)	Cổ đông lớn	2.535.764	5,44%
6	Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	2.508.836	5,38%
7	Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT	1.107.409	2,38%
8	Phan Chiên Thắng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	3.843.223	8,25%
9	Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	2.695.890	5,79%
10	Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT	2.229.715	4,79%
11	Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên HĐQT	700	0,002%
12	Nguyễn Khắc Hải	Thành viên HĐQT	0	0
13	Nguyễn Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	219.777	0,47%
14	Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	205.917	0,44%
15	Nguyễn Duy Hưng	Trưởng ban kiểm soát	0	0
16	Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên BKS	3.261	0,01%
17	Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên BKS	16.602	0,04%
18	Đặng Thị Thanh Minh	Kê toán trưởng	82.017	0,18%

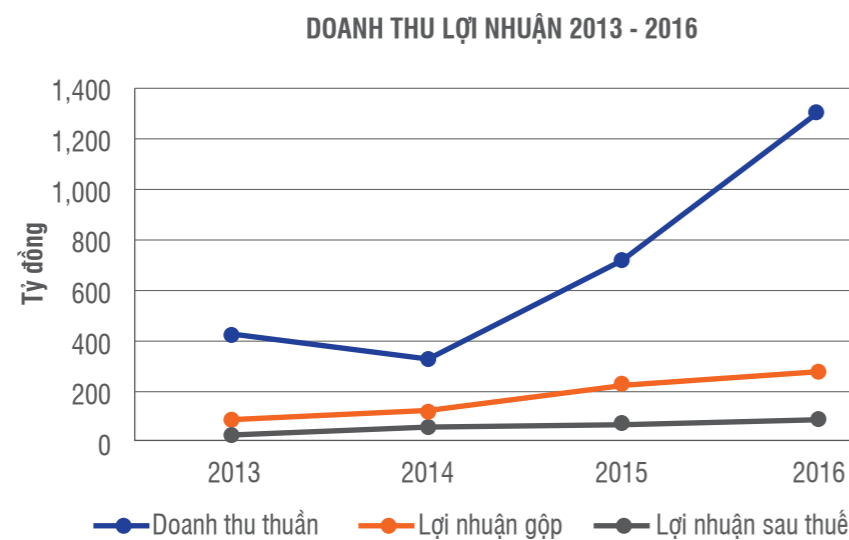
PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đánh giá hoạt động 2016	28
Nhận định và cơ hội 2017	29
Đánh giá các mảng thị trường	30
Quản trị rủi ro	34

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG 2016

Các chỉ tiêu thực hiện 2013 – 2016

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	2013	2014	2015	2016
Doanh thu thuần	418,71	330,62	723,27	1.301,58
Lợi nhuận gộp	86,75	125,91	226,66	280,87
Lợi nhuận sau thuế	31,97	61,83	73,15	94,1

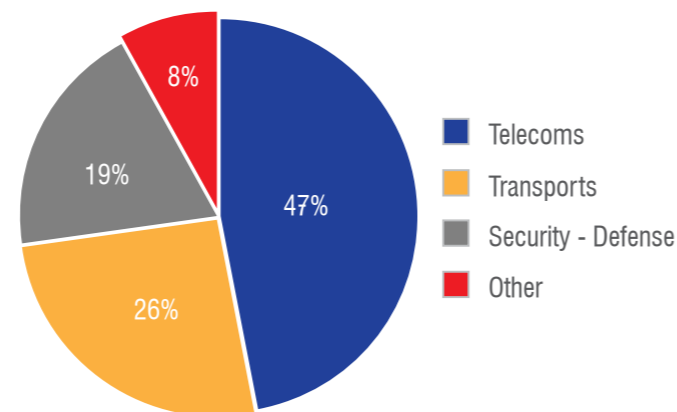


Năm 2016 đánh dấu sự khởi đầu thành công của ELCOM trong chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020. Trong năm chuyển giao quan trọng này, ELCOM đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra, và tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể:

- Doanh thu thuần đạt 1.300 tỷ đồng, hoàn thành 130,4% kế hoạch đặt ra và tăng trưởng 80% so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 94,1 tỷ đồng, hoàn thành 109% kế hoạch đặt ra và tăng trưởng 28,7% so với năm 2015.

Để đạt được kết quả trên, các mảng hoạt động của ELCOM đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra, đóng góp vượt mức kế hoạch, đặc biệt là lĩnh vực Viễn thông. Năm 2016, mảng Viễn thông tiếp tục khẳng định vị thế quan trọng, đóng góp lớn nhất trong tổng doanh thu của công ty với các con số ấn tượng: tăng trưởng 100% so với cùng kỳ, hoàn thành 136% kế hoạch năm và đóng góp 47% tổng doanh thu. An ninh quốc phòng và Giao thông vận tải lần lượt đóng góp 19% và 26% trong tổng doanh thu của công ty. Năm 2016, mảng Nông nghiệp công nghệ cao của ELCOM cũng đạt được bước tiến lớn khi đưa ra được bộ sản

phẩm trọn gói các giải pháp nhà màng nông nghiệp công nghệ cao, tạo cơ sở vững chắc cho mục tiêu trở thành nhà cung cấp giải pháp nhà màng số 1 Việt Nam, và tiên tiến xuất khẩu ra nước ngoài, trong đó có cả Nhật Bản – một thị trường yêu cầu rất cao về chất lượng sản phẩm.



NHẬN ĐỊNH VÀ CƠ HỘI 2017

Năm 2017, Việt Nam tiếp tục được các chuyên gia kinh tế thế giới đánh giá là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư. Chính phủ cũng đã công bố các con số mục tiêu trong năm 2017 lạc quan hơn năm 2016, tăng trưởng GDP kỳ vọng đạt 6,7%, tỷ lệ lạm phát 4%.

Đối với ngành Viễn thông, năm 2017 sẽ tiếp tục là năm tập trung phát triển và khai thác mạng 4G LTE. Năm 2016, các nhà mạng đã bắt đầu có những thử nghiệm với 4G LTE. Năm 2017, các nhà mạng, các nhà cung cấp ứng dụng, dịch vụ trên nền tảng công nghệ 4G LTE sẽ đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng và các giải pháp cho các ứng dụng, dịch vụ để đáp ứng tốc độ, dung lượng của 4G LTE.

Lĩnh vực Giao thông vận tải công nghệ cao, Chính phủ sẽ tiếp tục ưu tiên đầu tư vào hệ thống quản lý Giao thông, đặc biệt là trên các tuyến đường cao tốc từ Bắc vào Nam, với tổng chiều dài hiện nay là 2.200 km, và 1.300 km dự kiến sẽ đầu tư xây dựng mới từ năm 2017 đến 2020.

An ninh quốc phòng vẫn sẽ là thị trường chỉ dành cơ hội cho 1 số ít các doanh nghiệp tư nhân, có sản phẩm chuyên biệt phù hợp và đáp ứng được nhu cầu hiện đại hóa công nghệ An ninh Quốc phòng.

Nông nghiệp công nghệ cao, ngành đang được quan tâm nhiều nhất từ cuối năm 2016 đầu 2017 bởi Chính phủ, các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng như người tiêu dùng. Do nhu cầu thị trường lớn và thực trạng năng suất, sản lượng nông sản đạt tiêu chuẩn an toàn, sản lượng xuất khẩu thấp, trong khi Việt Nam là một nước nông nghiệp. Hiện Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích phát triển nông nghiệp bài bản, áp dụng công nghệ cao... nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao.

Với những thuận lợi từ nền kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng đều, và những cơ hội của các ngành và lĩnh vực mà ELCOM tham gia, năm 2017 hứa hẹn sẽ tiếp tục là một năm giúp khẳng định sự đúng đắn trong chiến lược hoạt động mà ELCOM đã đưa ra từ năm 2016 cho chu kỳ phát triển mới 2016 – 2020. Dựa trên cơ sở là các sản phẩm, giải pháp mà công ty đã nghiên cứu thành công để đón đầu xu hướng và nhu cầu của thị trường.

Mục tiêu Công ty	Năm 2017	Năm 2016	Tăng trưởng
Doanh thu ghi nhận (tỷ đồng)	1.350	1.301,60	4%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	108	94,10	15%

ĐÁNH GIÁ CÁC MẢNG THỊ TRƯỜNG

VIỄN THÔNG

Như những đánh giá và nhận định đã đưa ra từ năm 2015 trở về trước, năm 2016 thực sự đã trở thành năm bản lề hết sức quan trọng để phát triển dịch vụ 4G và tạo lợi thế để phát triển mạng lưới khách hàng và dịch vụ 4G LTE đối với các nhà mạng. Năm bất được cơ hội đó, mảng Viễn thông trong năm 2016 đã mang lại những kết quả kinh doanh vượt trội:

- Tăng trưởng gần gấp đôi so với năm trước
- Hoàn thành 136% chỉ tiêu kế hoạch
- Đóng góp 47% vào kết quả kinh doanh chung công ty

Mảng viễn thông tiếp tục duy trì được vị trí dẫn đầu, chiếm tỷ trọng cao nhất trong kết quả kinh doanh và đóng góp quan trọng trong việc hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 của toàn công ty.

Thành công lớn không thể không nhắc tới của mảng Viễn thông trong năm 2016 là việc triển khai hoàn thành hệ thống truyền dẫn trục Bắc Nam dài 1.400km chạy qua 25 tỉnh thành trên cả nước cho đối tác Mobifone (dự án DWDM). Đây là hệ thống truyền dẫn quang đầu tiên được ví như “Cao tốc công nghệ xuyên Việt” của Mobifone và đưa Mobifone trở thành đơn vị sở hữu hệ thống truyền dẫn “xương sống” tiên tiến nhất, với nhiều đặc điểm nổi trội giúp chủ động trong việc phát triển, vận hành cũng như giám sát chất lượng truyền dẫn. Việc hoàn thành dự án đã tạo ra tiếng vang lớn cho Elcom về tốc độ triển khai, chất lượng sản phẩm/dịch vụ đồng thời tiếp tục khẳng định năng lực và kinh nghiệm trong mảng truyền dẫn và là tiền đề rất quan trọng để Elcom tiếp tục dành được sự tin tưởng của khách hàng cho những dự án lớn trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, các sản phẩm truyền thông tiêu biểu như MCA, CRBT,... tiếp tục khẳng định thương hiệu tại các nhà mạng di động của Việt Nam và được cung cấp ra thị trường nước ngoài, mở rộng ra cả thị trường Châu Mỹ. Năm 2016 các dịch vụ giá trị gia tăng do Elcom hợp tác với nhà mạng tiếp tục mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn, duy trì tăng trưởng bền vững và hứa hẹn còn nhiều tiềm năng mở rộng, phát triển thêm các dịch vụ VAS với các nhà mạng. Các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ công nghệ cao cũng tiếp tục được triển khai mạnh với chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao. Việc hợp tác chiến lược với các đối tác lớn như Ciena, Amdocs, Cisco,... tiếp tục khẳng định và mở

ra cơ hội cho Elcom phát triển mạnh mẽ về thương hiệu và tiềm lực trong lĩnh vực công nghệ cao của Việt Nam, mở ra các hướng đi mới theo định hướng chiến lược kinh doanh công ty.

Những thành công và kết quả của mảng Viễn thông trong năm 2016 đã chứng tỏ định hướng phát triển mảng thị trường viễn thông truyền thống nhưng với những hướng đi mới mẽ, đầy triển vọng và bền vững.

NHẬN ĐỊNH 2017

Hiện nay, Các nhà khai thác viễn thông Việt Nam đang nỗ lực khai trương các dịch vụ 4G LTE và năm 2017 sẽ là năm các nhà mạng tiếp tục tập trung phát triển mạnh mẽ 4G và tất yếu là các hệ thống truyền dẫn backbone xương sống phải tiếp tục được mở rộng, tăng dung lượng, kết nối. Với thành công trong triển khai dự án DWDM Bắc Nam cho Mobifone trong năm 2016, đây sẽ là cơ hội để Elcom tiếp tục giành được các dự án có quy mô đầu tư lớn trong mảng truyền dẫn trong năm nay.

Năm 2017, các doanh nghiệp sẽ chú trọng nhiều về an ninh thông tin trước những thực tế của 2016 và sẽ có kế hoạch đầu tư về an toàn thông tin mạng. Big data và phân tích dữ liệu trở thành một xu hướng không thể đảo ngược và Việt Nam không nằm ngoài xu hướng. Công nghệ điện toán đám mây đang trở thành cuộc cách mạng thay đổi cách thức lưu trữ, phân phối thông tin. Các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông như Viettel, VNPT, MobiFone đã triển khai dịch vụ này trong những năm vừa qua nhưng kết quả còn khiêm tốn. Khuyến khích công nghệ IoT, M2M đã bắt đầu nghiên cứu và triển khai thử nghiệm một số ứng dụng. So với thế giới, tại Việt Nam, các xu hướng và thị trường trên mới chỉ ở mức độ sơ khai, còn rất nhiều tiềm năng và sẽ được triển khai, có bước phát triển trong năm 2017 và các năm tiếp theo. Đây là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp như Elcom nắm bắt. Elcom tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm giải pháp đón đầu xu thế mới để mở ra các cơ hội lớn và lâu dài về dịch vụ sản phẩm, dự án, tiếp tục tập trung đẩy mạnh khai thác các mảng Core, Billing, IT và duy trì vững chắc các mảng mạng lưới, điều hành, khai thác để tiếp nối vào tạo nên sự phát triển mạnh mẽ, những chuyển biến lớn nữa đối với thị trường viễn thông truyền thống của Elcom trong năm 2017 và các năm tiếp theo.

AN NINH QUỐC PHÒNG

Mảng An ninh Quốc phòng đã có một năm hoạt động ấn tượng, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kế hoạch đặt ra và tạo sự chuyển dịch lớn trong cơ cấu đóng góp vào kết quả kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược của Công ty.

- Tăng trưởng 127% so với năm trước
- Hoàn thành 123% chỉ tiêu kế hoạch
- Chuyển dịch cơ cấu từ 15% năm 2015 tăng lên 19% trong năm 2016

Năm 2016, Elcom triển khai thành công chuỗi các dự án cung cấp các sản phẩm giải pháp công nghệ cao trọng điểm về công nghệ thông tin, an toàn an ninh thông tin cho Cục Công nghệ thông tin thuộc Bộ Quốc phòng, tiếp tục khẳng định thế mạnh và uy tín của Elcom trong mảng thị trường chiến lược An ninh Quốc phòng. Ngoài ra đây cũng là năm tiếp tục chứng minh sản phẩm công nghệ của Elcom trong ứng dụng công nghệ cao phục vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo khi Elcom triển khai thành công Hệ thống giám tàu thuyền trên biển (AIS) cho Bộ tư lệnh Hải quân thuộc Bộ Quốc phòng, mở ra các cơ hội lớn tiếp tục triển khai và mở rộng các hệ thống AIS và các sản phẩm dịch vụ công nghệ cao khác.

NHẬN ĐỊNH 2017

Ngoài sản phẩm dịch vụ đã được khẳng định khi cung cấp tới khách hàng, Elcom sẽ tiếp tục tập trung cung cấp những sản phẩm, giải pháp phục vụ lĩnh vực an ninh quốc phòng, trong đó năm 2017 sẽ tập trung vào các giải pháp sản phẩm hướng tới phục vụ cho khai thác các nghiệp vụ, chức năng chuyên môn của khách hàng và đáp ứng các yêu cầu cần thiết của khách hàng như các giải pháp đảm bảo an toàn an ninh, trung tâm chỉ huy, hiện đại hóa công nghệ An ninh Quốc phòng... cho các khách hàng Quốc phòng, An ninh, Hải quân... Bên cạnh các khách hàng truyền thống sẽ tiếp tục mở rộng thêm các khách hàng mới như Biên phòng. Trong bối cảnh có nhiều biến động cùng với xu hướng hiện đại hóa công nghệ An ninh Quốc phòng, các yêu cầu về giám sát an ninh an toàn được nâng cao để phục vụ công tác bảo vệ tổ quốc cũng như các yêu cầu bảo vệ an ninh an toàn cấp thiết hiện nay sẽ tiếp tục tạo thuận lợi và mở ra các cơ hội cho Elcom phát triển các sản phẩm giải pháp thế mạnh để cung cấp cho khách hàng.

Trong năm 2017, Elcom tiếp tục khai thác, triển khai hệ thống VTS cho các cảng lớn và các cảng bé với các hình thức hợp tác đa dạng, tiến tới triển khai hệ thống VTS trên diện rộng ở tất cả các cảng vụ trên toàn quốc

GAO THÔNG VẬN TẢI

Tiếp nối những thành công được tạo dựng từ những nền tảng qua các năm hoạt động sôi nổi gần đây, năm 2016 mảng Giao thông tiếp tục khẳng định là một trong 3 mảng chiến lược trọng tâm trong định hướng chiến lược của Công ty khi đóng góp vào 26% vào kết quả kinh doanh công ty, tăng trưởng 55% so với năm 2015.

Các sản phẩm chiến lược của Elcom trong mảng Giao thông vận tải như WIM, MTC, VTS, ITS...tiếp tục được khẳng định qua hàng loạt các dự án triển khai tới các khách hàng. Trong mảng đường bộ, năm 2016 Elcom tiếp tục triển khai trên diện rộng hệ thống kiểm soát tải trọng xe (WIM) và hệ thống thu phí (MTC) trên các tuyến Hà Nội - Hải Phòng, Nội Bài - Lào Cai, Quốc lộ 1, Quốc lộ 6, Quốc lộ 26, Quốc lộ 32, Quốc lộ 38,...trên toàn quốc với các sản phẩm ngày càng được hoàn thiện, cập nhật ứng dụng và phát triển công nghệ sản phẩm tiên tiến. Việc ký kết triển khai, cung cấp giải pháp hệ thống thu phí tự động không dừng (Front – end) tiếp tục khẳng định cho việc hoàn thiện sản phẩm không ngừng và tính ưu việt trong sản phẩm, hướng tới cung cấp cho khách hàng các giải pháp tốt nhất, hiệu quả cao hơn của Elcom. Trong mảng đường thủy, năm 2016 Elcom đã hoàn thành việc triển khai Dự án đầu tư xây dựng hệ thống VTS luồng Sài Gòn Vũng Tàu hạng mục luồng Cái Mép Thị Vải, tiếp tục khẳng định vị thế số một của Elcom trong mảng cung cấp các hệ thống quản lý hành hải tàu biển (VTS) hiện nay cho các cảng vụ hàng hải sau các dự án VTS lớn thành công như VTS Hải Phòng, VTS Sài Gòn – Vũng Tàu, VTS Cái Mép – Thị Vải.

NHẬN ĐỊNH 2017

Song song với quá trình triển khai cung cấp sản phẩm dịch vụ tới khách hàng, Elcom tiếp tục nghiên cứu, tích hợp, làm chủ công nghệ nước ngoài áp dụng vào bài toán thực tiễn tại Việt Nam, đáp ứng được nhu cầu về ứng dụng công nghệ cao trong quản lý điều hành giao thông, giải quyết các vấn đề “nóng” của Giao thông Việt Nam hiện nay nhằm mang lại sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và xã hội. Năm 2017, Elcom sẽ tập trung vào cung cấp các giải pháp tổng thể mang tính chất quản lý để giải quyết các vấn đề “nóng”, tổng thể cho hệ thống giao thông Việt Nam hiện nay như hệ thống Giao thông thông minh ITS, Hệ thống quản lý giao thông nội đô, Hệ thống quản lý hàng hải... Hiện Elcom đã triển khai thử nghiệm thành công nhiều phân hệ, chuẩn bị sẵn sàng cho việc triển khai hệ thống ITS trong năm 2017 và các năm tiếp theo trên các tuyến quốc lộ, mở ra cơ hội lớn cho Elcom tăng trưởng hơn nữa trong mảng thị trường Giao thông vận tải, đồng thời đóng góp nhiều hơn và mang đến ứng dụng công nghệ cao cho ngành Giao thông, góp phần nâng cao lợi ích cho xã hội.

Trong năm 2017, Elcom tiếp tục khai thác, triển khai hệ thống VTS cho các cảng lớn và các cảng bé với các hình thức hợp tác đa dạng, tiến tới triển khai hệ thống VTS trên diện rộng ở tất cả các cảng vụ trên toàn quốc. Ngoài mảng đường bộ và đường thủy, Elcom sẽ tiếp tục phát triển mở rộng sang các lĩnh vực khác như Nội đô, Hàng không, Đường sắt... Với kinh nghiệm và thế mạnh về khả năng tích hợp và làm chủ công nghệ, ứng dụng vào bài toán thực tiễn tại Việt Nam, các sản phẩm, giải pháp tích hợp cho các mảng mới này trong thị trường Giao thông cũng đã và đang được nghiên cứu, thử nghiệm để cung cấp tới khách hàng.

NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Từ năm 2015, nhận thấy tiềm năng phát triển lớn của mảng nông nghiệp công nghệ cao vì những lợi ích mà lĩnh vực này đem lại cho ngành nông nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung, ELCOM đã bắt đầu nghiên cứu, tìm hiểu và hợp tác với các đối tác uy tín trong lĩnh vực này để phát triển các sản phẩm giải pháp và đưa mảng nông nghiệp công nghệ cao trở thành một hướng phát triển chiến lược mới. Tuy mới tham gia nhưng Elcom đã sớm bắt nhịp với thị trường, được đánh giá cao về giải pháp, triển khai, đã hợp tác với các đối tác Nhật Bản có kỹ thuật, công nghệ tốt, hứa hẹn nhiều tiềm năng phát triển lớn cho mảng này.

Định hướng phát triển của ELCOM là trở thành nhà cung cấp giải pháp nông nghiệp công nghệ cao hàng đầu tại Việt Nam. Elcom hướng tới cung cấp trọn gói các giải pháp nhà màng nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với từng loại cây trồng, địa hình và khí hậu trong nước và hợp tác với đối tác Nhật để xuất khẩu sản phẩm nhà màng. Đối với thị trường trong nước, Elcom hợp tác và trở thành đối tác công nghệ của The PAN Group để cung cấp các giải pháp nhà màng trồng hoa, rau cho PAN. Từ đó mở rộng thị trường và phát triển nhân rộng sang các khách hàng khác. Đối với thị trường quốc tế, Elcom hợp tác với đối tác Nhật để phát triển nhà màng nông nghiệp đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường Nhật và cùng đối tác Nhật kinh doanh sang các thị trường khác.

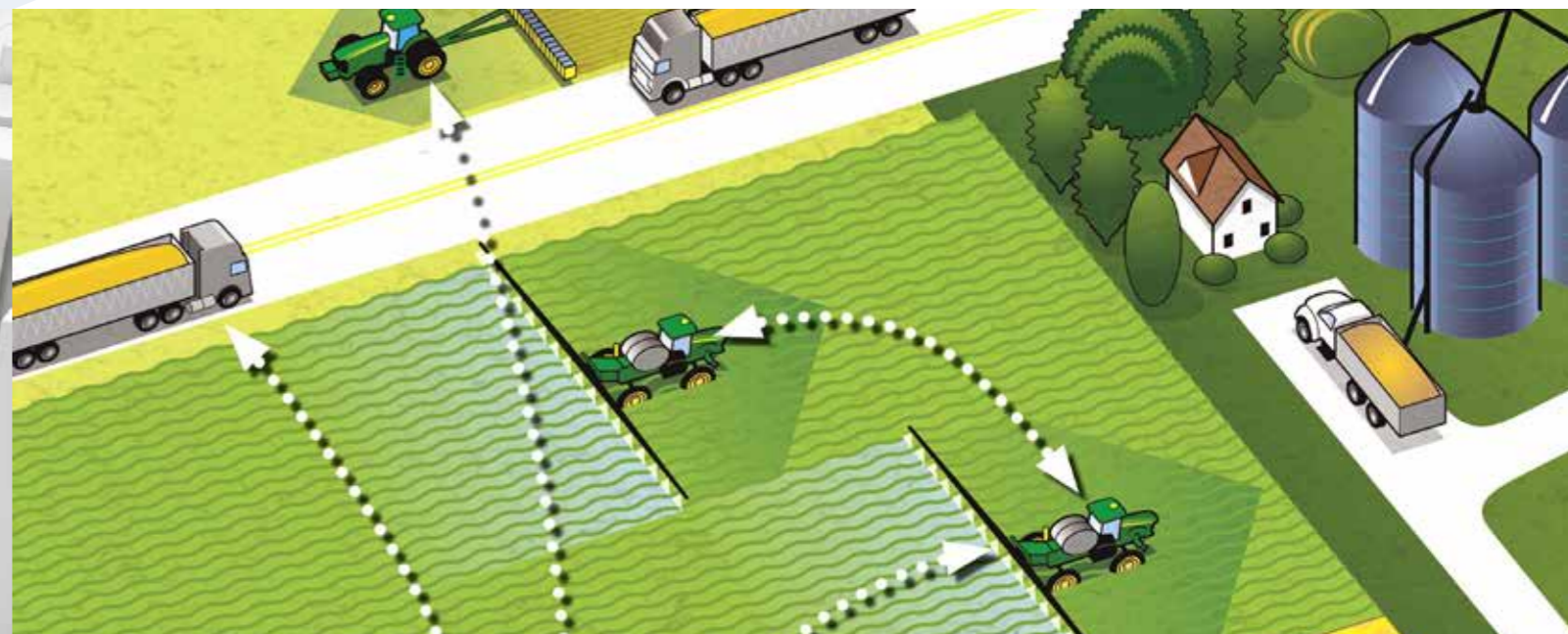
Hiện ELCOM đang cung cấp các giải pháp nhà màng trồng hoa, rau cho các dự án của PAN, từ đó mở rộng thị trường và nhân rộng sang các khách hàng khác. ELCOM và Công ty CP Pan Farm đã cùng hợp tác xây dựng trung tâm nghiên cứu nông nghiệp tại Cổ Đông - Sơn Tây - Hà Nội với quy mô 400m2 nhằm thử nghiệm các giải pháp công nghệ tiên tiến ứng dụng cho nông nghiệp hiện đại, công nghệ cao. Đây cũng là nơi giới thiệu, trình diễn các mô hình công nghệ cao như công nghệ trồng, công nghệ nhà màng, tưới tiêu, điều khiển tự động.. từ đó chuyển giao tới các hộ nông dân và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

NHẬN ĐỊNH 2017

ELCOM sẽ hoàn thành 02 mẫu nhà màng đáp ứng trồng nhiều loại cây, các mẫu nhà này là giải pháp tổng thể bao gồm toàn bộ hệ thống nhà và các hệ thống điều khiển, chăm sóc cây trồng phục vụ cho cả trồng cây thu hoạch và trồng cây giống. Các mẫu nhà này sẽ hoàn chỉnh vào Quý 2 năm 2017. Về mặt tổ chức, ELCOM sẽ hoàn chỉnh bộ máy từ giải pháp, thiết kế, sản xuất, thi công, quản lý chất lượng để sẵn sàng tung sản phẩm ra thị trường từ Quý 3 năm 2017 và cung cấp hàng loạt từ năm 2018.

Song hành với sản phẩm nhà màng, ELCOM tiếp tục đầu tư nghiên cứu phát triển các giải pháp, kỹ thuật, công nghệ ứng dụng trong nông nghiệp, mở rộng hợp tác với các đối tác kỹ thuật công nghệ, các đối tác trồng trọt từ Nhật Bản và các nước nông nghiệp phát triển để tạo ra các sản phẩm, giải pháp nhằm tăng năng suất trồng trọt, tăng chất lượng cây trồng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm... đồng thời kết nối người trồng, chuỗi cung ứng tới người tiêu dùng để mở rộng và khẳng định vị thế trong thị trường nông nghiệp những năm tiếp theo.

ELCOM sẽ hoàn chỉnh bộ máy từ giải pháp, thiết kế, sản xuất, thi công, quản lý chất lượng để sẵn sàng tung sản phẩm ra thị trường từ Quý 3 năm 2017 và cung cấp hàng loạt từ năm 2018.



QUẢN TRỊ RỦI RO

Hoạt động và phát triển của ELCOM trong môi trường và lĩnh vực kinh doanh lấy giá trị cốt lõi là phát huy thế mạnh về công nghệ, giải pháp và kỹ thuật, vì vậy công tác quản trị rủi ro được định hướng chiến lược như sau:

QUẢN TRỊ RỦI RO BÊN NGOÀI:

Quản trị rủi ro về khách hàng, thị trường và sản phẩm:

- Với đặc thù khách hàng khối Viễn thông, An ninh Quốc phòng, Giao thông Vận tải với xu hướng bảo hòa dịch vụ cơ bản, ELCOM đã tiến hành nghiên cứu các giải pháp, công nghệ đón đầu như Cloud, Big Data, 4G LTE cho lĩnh vực Viễn thông; các giải pháp công nghệ ứng dụng phát triển giao thông thông minh, giao thông nội đô cho lĩnh vực Giao thông Vận tải; nghiên cứu các giải pháp phân tích dữ liệu Big Data, các công nghệ bảo vệ an ninh an toàn cho lĩnh vực An ninh Quốc phòng. Tập trung hợp tác đi cùng các Hãng cung cấp giải pháp công nghệ lớn, song hành cùng khách hàng để tạo được sự ổn định vững chắc lâu dài với các thị trường và khách hàng.
- Với Mạng Nông nghiệp công nghệ cao: Tập trung trước mắt, đẩy nhanh các hoàn thiện các giải pháp công nghệ nhà màng, nhà kính ứng dụng công nghệ cao, nhưng phù hợp với môi trường trồng trọt ở Việt nam để chiếm lĩnh thị trường rất mới và tiềm năng về Nông nghiệp công nghệ cao.

Quản trị rủi ro về rào cản ngành:

- Hoàn thiện xin các giấy phép viễn thông, các giấy phép về hoạt động an toàn thông tin để sẵn sàng cung cấp các dịch vụ, sản phẩm theo nhu cầu khách hàng và theo chiến lược phát triển sản phẩm và công nghệ.
- Điều chỉnh các quy định, quy chế hoạt động, các quy trình quản lý chất lượng, bảo mật thông tin phù hợp với các quy định mới trong luật dân sự, luật đầu thầu, luật doanh nghiệp, Luật an toàn thông tin... mới ban hành.

Quản trị rủi ro về biến động môi trường:

- Do hoạt động kinh doanh trên cần nhập khẩu nhiều sản phẩm, giải pháp các hãng nước ngoài, các dự án thực hiện có quy mô lớn, độ phức tạp cao, vì vậy đã tiến hành nhiều biện pháp, đưa ra các quy định, các phương án sớm và lâu dài trong việc tính toán dòng tiền, chuẩn bị vốn và hợp tác với các ngân hàng có uy tín, để đảm bảo tránh ảnh hưởng nhất các biến động kinh tế, như lạm phát, trượt giá và biến động tỷ giá ngoại tệ.

QUẢN TRỊ RỦI RO BÊN TRONG:

Tăng cường phát huy năng lực các cán bộ cốt lõi và các cán bộ key đảm nhận gánh vác công việc chung trong hoạt động điều hành và sản xuất công ty để đảm bảo thực hiện kế hoạch hoạt động kế hoạch kinh doanh đúng tiến độ và đạt chất lượng cao: Năm 2016, ELCOM đã có thay đổi về cơ cấu tổ chức với mô hình Ban Tổng Giám đốc gồm 5 thành viên thêm hai PTGD phụ trách về kế hoạch và kinh doanh.

Định hướng thị trường trọng tâm, điều chỉnh lại tổ chức để tạo sự chuyên nghiệp hóa, năng động và dứt điểm cao bằng việc điều chỉnh tổ chức: chia tách và sát nhập một số bộ phận cho phù hợp với chiến lược của công ty: Sát nhập bốn đơn vị kinh doanh thành 2 đơn vị kinh doanh trọng điểm, thành lập đơn vị kinh doanh chuyên về mảng nông nghiệp công nghệ cao.

Thành lập phòng kiểm soát nội bộ, ban quản lý đầu thầu để chuyên nghiệp hóa công tác quản trị chất lượng, cũng như hỗ trợ phòng ngừa rủi ro.

Về quy trình kiểm soát rủi ro nội bộ: ứng dụng các Tiêu chuẩn ISO 31000, đưa ra các quy trình:

- Về kiểm soát nội bộ;
- Kiểm soát tài chính, kế toán;
- Kiểm soát pháp chế, quy định phân quyền;
- Các quy trình quy định về kế hoạch kinh doanh, kiểm soát và đánh giá KPI;
- Các quy định về triển khai thực hiện hợp đồng đảm bảo nhìn nhận, phát hiện trước các phát sinh tiềm ẩn;
- Nhận diện và phản ứng kịp thời với các ảnh hưởng tiêu cực, có tầm nhìn và khai thác tối đa các ảnh hưởng có lợi;
- Phối hợp đồng bộ các hoạt động và thông tin giữa các cấp quản lý Công ty, từ Hội đồng quản trị (HĐQT) đến Ban Tổng Giám đốc và các Trưởng bộ phận;
- Truyền thông về rủi ro và kiểm soát đến các mọi cấp bậc CBNV để tiến tới xây dựng một văn hóa quản trị rủi ro trong toàn Công ty.



Công tác quản trị rủi ro hiệu quả yêu cầu sự tham gia của mọi thành viên trong tổ chức, tại mọi cấp bậc. Trong đó, HĐQT, Ban điều hành Công ty có vai trò và trách nhiệm quan trọng. Cấu trúc quản trị rủi ro của ELCOM được xây dựng như sau:


- HĐQT: thiết lập chiến lược và các mục tiêu, định hướng và phê duyệt mức chấp nhận rủi ro, giám sát đánh giá hoạt động quản lý rủi ro.
- Ban Tổng Giám đốc, Quản lý các Bộ phận (BP): có trách nhiệm trong việc nhận diện và quản lý rủi ro. TGD có vai trò lãnh đạo và định hướng cho các cấp quản lý, định kỳ họp với các cấp quản lý về hoạt động chính như kinh doanh, tài chính, nhân sự nhằm xác định được các rủi ro trong các hoạt động này, đưa ra các biện pháp xử lý và kiểm soát cần thiết. Quản lý các cấp triển khai thực hiện các chiến lược quản lý rủi ro trong từng quá trình, chức năng của bộ phận, có trách nhiệm báo cáo, đề xuất kịp thời đến cấp quản lý cao hơn.
- Bộ phận Kiểm soát nội bộ: có trách nhiệm triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức quản lý rủi ro, nghiên cứu hướng dẫn các phương pháp, quy trình quản lý rủi ro, hỗ trợ Ban Lãnh đạo ELCOM đánh giá tính hiệu quả và hiệu lực của các hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro của Công ty.
- Nhân viên thực hiện: tuân thủ các quy trình, quy định, phát hiện các điểm hỏng/bất cập, đề xuất các cải tiến các luồng/quy trình vận hành để công việc thực hiện hiệu quả hơn.

Hoạt động quản trị rủi ro đến nay ngày càng trở thành một mắt xích quan trọng không thể tách rời trong Hệ thống quản trị của ELCOM, tạo hành lang cho ELCOM vận hành ổn định, thích ứng với môi trường kinh doanh nhiều biến động và hoàn thành mục tiêu chiến lược đã đặt ra.

HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CBNV trong thời gian tới sẽ củng cố, hoàn thiện thêm công tác quản trị rủi ro áp dụng cho hoạt động của ELCOM theo các nội dung sau:

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp quản lý đối với việc nhận diện và xử lý rủi ro;
- Truyền thông mục tiêu quản lý của Công ty và ý thức về quản lý rủi ro đến toàn cấp bậc CBNV;
- Phát triển các chương trình tự đánh giá trong mỗi Bộ phận/đơn vị: tự rà soát, tự phát hiện và hoàn thiện...;
- Duy trì một bộ phận độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá và báo cáo kịp thời cho HĐQT, Ban TGD.

Với định hướng này, ELCOM kỳ vọng sẽ tạo được tâm thế sẵn sàng để hoàn thành tốt các mục tiêu về Kinh tế (tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thị phần) - Văn hóa (đậm bản sắc doanh nghiệp) - Xã hội (tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho NLĐ, ...)

The background of the page is a photograph of several business professionals in suits gathered around a table, looking at and pointing to documents. A large, semi-transparent blue geometric overlay with white dots and lines is positioned diagonally across the page, partially covering the photograph and the text.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của HĐQT	38
Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát	40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Thưa toàn thể quý vị cổ đông và các vị khách quý

Hội đồng Quản trị Công ty (“HĐQT”) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động ELCOM 2016 và định hướng chiến lược năm 2017 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Năm 2016 là năm tiếp theo ghi nhận những dấu ấn thành công về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo định hướng chiến lược 2015 -2020 mà Hội đồng quản trị Công ty đã vạch ra. Lần đầu tiên trong quá trình xây dựng và phát triển của mình Elcom đã đạt và vượt mốc doanh thu hơn nghìn tỷ đồng. Công ty cũng đã hoàn thành và vượt kế hoạch lợi nhuận đã đặt ra, cụ thể:

- Doanh thu thuần đạt 1.301 tỷ đồng, hoàn thành 130,4% kế hoạch đặt ra và tăng trưởng 80% so với năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 94,1 tỷ đồng, hoàn thành 109% kế hoạch đặt ra và tăng trưởng 28,7% so với năm 2015.

(Theo số liệu tại BCTC hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán của Công ty)

Tình hình phát triển của các mảng thị trường:

Các mảng thị trường truyền thông vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định trong năm 2016. Năm vừa qua, mảng Viễn thông vẫn tiếp tục đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của Công ty, đóng góp 47% vào tổng doanh thu, tăng trưởng 100% so với cùng kỳ, hoàn thành 136% kế hoạch năm. Mảng thị trường An ninh quốc phòng và Giao thông vận tải lần lượt đóng góp 19% và 26% trong tổng doanh thu của công ty. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, sau thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và hợp tác với các đối tác uy tín trong lĩnh vực này để phát triển các sản phẩm giải pháp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, Elcom đã bước đầu gặt hái thành công với bộ sản phẩm trọn gói các giải pháp nhà màng nông nghiệp công nghệ cao để cung cấp cho các khách hàng.

Chi trả cổ tức:

Hội đồng quản trị đã tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2016 cho cổ đông với tỷ lệ là 6% và tiếp tục đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 6%

Cơ cấu tổ chức - nhân sự:

Trong năm 2016 Công ty đã quy hoạch và phát triển đội ngũ lãnh đạo cấp cao, cấp trung để bổ sung, tập trung nguồn lực đáp ứng tốc độ tăng trưởng trong năm 2017 và các năm tiếp theo. Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm thêm hai (02) Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối phát triển kinh doanh và khối phát triển kỹ thuật, công nghệ, vốn là những mảng hoạt động nòng cốt của Công ty. Việc nâng số thành viên Ban Tổng Giám đốc trực tiếp tham gia quản lý, phát triển các các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ ba lên năm thành viên đã tạo thêm sức mạnh cho bộ máy lãnh đạo điều hành của Công ty. Bên cạnh đó cơ cấu nhân sự trực tiếp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được tổ chức, sắp xếp lại hợp lý hơn, phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

1. Thông tin về thành viên HĐQT, các cuộc họp HĐQT

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm là bảy (07) người. Trong năm 2016 Hội đồng quản trị đã tổ chức họp và thông qua các quyết định sau:
- Thông qua việc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng tại ngân hàng TMCP Việt Á
- Thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu năm 2016 để tài trợ cho chương trình ESOP 2013-2016
- Thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt
- Thông qua việc vay vốn ngân hàng để thực hiện hợp đồng số TC/02-15-MOBIFONE/ELCOM
- Thông qua việc hợp tác tín dụng với ngân hàng BIDV_Chi nhánh Hà Thành
- Thông qua việc hợp tác tín dụng với ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hà Nội

- Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 2016
- Thông qua việc tái cấp hạn mức tín dụng của ngân hàng TMCP Quân đội phê duyệt cho công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông
- Thông qua việc bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2016-2019

2. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2016, HĐQT đã giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các mục tiêu về sản xuất kinh doanh, tổ chức, sắp xếp bộ máy tổ chức hợp lý, hiệu quả. Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm thêm hai thành viên ban Tổng Giám đốc để tăng cường sức mạnh, vai trò của Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành các phương án hoạt động của Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận được giao phó.

3. Thông tin về thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT

Việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 như sau:

- Đối với thu nhập của các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức danh điều hành mức chi trả thù lao là 5 triệu đồng/thành viên/tháng
- Đối với thu nhập của các thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành sẽ chi trả cho các vị trí điều hành đó từ nguồn chi phí theo kế hoạch kinh doanh năm 2016.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2017

Giai đoạn 2015 - 2020 - một giai đoạn phát triển, tăng trưởng mới đồng thời với việc phát sinh những khó khăn, thách thức mới cho tập thể HĐQT, Ban điều hành và cán bộ nhân viên của Công ty. Các mảng thị trường truyền thông của Công ty có sự thay đổi mạnh mẽ về chính sách, nhu cầu đầu tư, mua sắm đã và đang có tác động không nhỏ đến định hướng chiến lược kinh doanh của Công ty trong năm 2017 và những năm tiếp theo. Để duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận đòi hỏi Công ty phải tiến hành những cải cách mạnh mẽ về quản trị, thay đổi tư duy kinh doanh, phát triển mạnh mẽ bộ máy sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn, năng động hơn để thích nghi với tình hình mới.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức tác động đến Công ty trong thời gian tới HĐQT đã vạch ra những mục tiêu chính trong năm 2017 như sau:

1. Củng cố và phát triển thị trường

- Công ty sẽ tiếp tục tập trung duy trì, phát triển các mảng thị trường chủ lực truyền thông là viễn thông, giao thông vận tải và an ninh quốc phòng để đảm bảo nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định. Đối với thị trường nông nghiệp công nghệ cao, trong năm 2017 Elcom hướng tới việc tăng doanh thu và lợi nhuận từ mảng thị trường này trên cơ sở hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm cung cấp trọn gói các giải pháp nhà màng nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với từng loại cây trồng, địa hình và khí hậu trong nước và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm để xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài.

- Bên cạnh đó, Công ty sẽ đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng cung cấp các sản phẩm, giải pháp công nghệ tiên tiến vốn là thế mạnh của mình sang một số thị trường mới, khách hàng mới, đặc biệt là các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn trong nước. Để nâng cao hiệu quả kinh doanh, Công ty cũng sẽ tiến hành đa dạng phương thức kinh doanh với mục tiêu gia tăng việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ (sản phẩm dịch vụ giá trị gia tăng, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ công nghệ cao...) và các sản phẩm đến người dùng cuối cùng bên cạnh việc duy trì triển khai các dự án mang tính thương mại cho các khách hàng.

2. Phát triển các giải pháp công nghệ, sản phẩm mang tính chiến lược

Trong những năm qua, Công ty đã thành công trong việc gây dựng thương hiệu Elcom gắn với các sản phẩm, giải pháp công nghệ uy tín, chất lượng tại các thị trường viễn thông, giao thông vận tải và an ninh quốc phòng. Trong năm 2017 Công ty sẽ tiếp tục tập trung nghiên cứu, phát triển mạnh mẽ các sản phẩm chiến lược mới có hàm lượng công nghệ cao, có khả năng đáp ứng nhu cầu đa dạng của các khách hàng tại các thị trường khác nhau. Với đội ngũ chuyên gia, kỹ sư CNTT nhiệt huyết, giàu kinh nghiệm và thế mạnh nghiên cứu công nghệ mới, ứng dụng vào bài toán thực tiễn tại Việt Nam sẽ tạo ra các sản phẩm, giải pháp công nghệ tiên tiến, đón đầu nhu cầu thị trường.

3. Xây dựng, phát triển nguồn lực chất lượng cao

Trong năm 2017 Công ty sẽ tiếp tục xây dựng, phát triển mạnh mẽ đội ngũ cán bộ nhân viên phụ trách kinh doanh và đội ngũ nghiên cứu giải pháp công nghệ phát triển sản phẩm tinh nhuệ, chủ động, sáng tạo để đáp ứng mục tiêu củng cố, mở rộng thị trường cũng như

sản xuất, cung cấp các sản phẩm chiến lược mang thương hiệu Elcom. Để đạt được mục tiêu đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận đội ngũ cán bộ kinh doanh sẽ là những “chiến binh” thiện chiến trong việc chinh phục các thị trường, khách hàng chiến lược của Công ty.

4. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức - quản trị

Việc phân cấp quản lý, phân định rõ trách nhiệm, quyền lợi gắn với từng lớp quản lý sẽ tiếp tục được triển khai, hoàn thiện trong năm 2017. Đội ngũ những cán bộ nòng cốt, là nhân tố thúc đẩy sự phát triển của Công ty sẽ được hoạch định trên cơ sở chọn lọc từ nguồn lực hiện có kết hợp với các chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài. Việc quản lý, điều hành Công ty sẽ trên cơ sở tăng vai trò, trách nhiệm cá nhân đồng thời với việc phát huy tinh thần tập thể để Elcom trở thành một khối đoàn kết, vững mạnh chinh phục những mục tiêu mới.

5. Phát triển văn hóa doanh nghiệp

Phát triển văn hóa doanh nghiệp

Bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh Công ty cũng sẽ tiếp tục duy trì và phát huy những giá trị văn hóa làm nên bản sắc “tinh - tâm - trí - tín” của Elcom. Văn hóa doanh nghiệp là nền tảng, nguồn cội, gốc rễ cho sự phát triển bền vững, truyền cảm hứng cho các thế hệ người Elcom sẽ là lợi thế cạnh tranh, nguồn sức mạnh vô tận để Elcom luôn vững tin vượt qua mọi khó khăn, thách thức để vững bước trên con đường phát triển của mình.

Với mục tiêu và định hướng như trên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017 (tỷ đồng)
Doanh thu thuần	1.350
Lợi nhuận sau thuế	108
Tỷ lệ cổ tức	12%

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2017

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


1.350
108
12%

PHAN CHIÊN THẮNG

Năm 2016 là năm tiếp theo ghi nhận những dấu ấn thành công về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo định hướng chiến lược 2015 -2020 mà Hội đồng quản trị Công ty đã vạch ra. Lần đầu tiên trong quá trình xây dựng và phát triển của mình Elcom đã đạt và vượt mốc doanh thu hơn nghìn tỷ đồng

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo qui định tại Điều lệ công ty, trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tiến hành họp và triển khai các công việc với sự tham dự đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát. Các công việc Ban kiểm soát đã thực hiện:

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị; Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2016 theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.
- Ban kiểm soát cử đại diện tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính các Quý và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Xem xét Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết, công ty góp vốn dài hạn để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các qui định của Pháp luật.
- Kiểm tra việc chấp hành các nghĩa vụ của Công ty theo qui định của Pháp luật, bao gồm nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội và các nghĩa vụ tài chính khác.

Trong năm 2016, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Trong năm 2016, HĐQT đã triệu tập và tổ chức các cuộc họp bàn về định hướng sản xuất kinh doanh, triển khai các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra theo đúng các qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Trong năm 2016, HĐQT đã phê duyệt 1 số chức danh chủ chốt của Công ty như bổ nhiệm ông Nguyễn Hoàng Minh và ông Phạm Minh Thắng làm Phó tổng giám đốc.
- Tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đã quyết định lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2016; phân phối và phát hành thành công 800.000 cổ phiếu cho CBCNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty; Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10%).
- Ban hành Nghị quyết, Quyết định và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Trong năm 2016, Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các chỉ tiêu kinh tế đã được Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm thông qua.
- Tăng cường chỉ đạo các phòng ban chức năng hoàn thiện hồ sơ pháp lý của Công ty đảm bảo mọi hoạt động tuân thủ đúng và đủ các quy định của pháp luật.
- Triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành và chỉ đạo quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc.
- Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ban Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Báo cáo tài chính năm 2016 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán và đưa ra báo cáo với ý kiến chấp thuận. Các chỉ tiêu cơ bản được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 như sau:

Về kết quả kinh doanh:

Doanh thu thuần:	1.301.579.187.148 đồng
Tổng lợi nhuận trước thuế:	111.566.415.563 đồng
Lợi nhuận sau thuế:	94.137.894.426 đồng

(Trong đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ là 94.739.146.891 đồng)

Như vậy, so với kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua năm 2016 thông qua, Công ty đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.

Về tài sản của Công ty:

Tài sản ngắn hạn:	837.739.419.817 đồng
Tài sản dài hạn:	322.730.991.079 đồng
Tổng tài sản:	1.160.470.410.896 đồng
Tổng nợ vay (ngắn hạn & dài hạn):	374.383.071.286 đồng
Vốn chủ sở hữu:	786.087.339.610 đồng
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:	11.781.747.178 đồng

CHI TRẢ THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Việc chi trả thù lao cho Ban kiểm soát năm 2016 được căn cứ trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

Tổng thù lao chi trả cho các thành viên Ban kiểm soát: 132.000.000 đồng

Các chi phí khác: không

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2016, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty đều có thư mời Ban kiểm soát tham dự.

Ban Kiểm soát cũng đưa ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, từ đó góp phần cùng Ban Điều hành giải quyết các khó khăn phát sinh.

KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Các hoạt động của Công ty năm qua đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đem lại lợi ích cho cổ đông.

Công ty cần chú trọng giám sát và quản lý hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết, ban hành các qui chế nội bộ để đảm bảo hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn của Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thông tin chung	44
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	46
Báo cáo kiểm toán độc lập	47
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	50
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	52
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	53
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	54

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 9 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại số 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, số 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

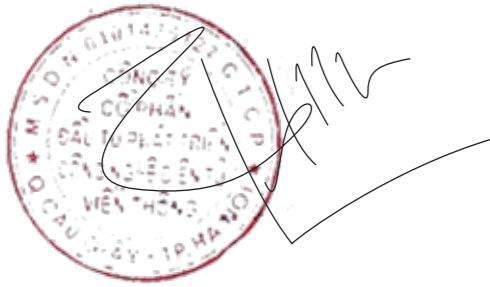
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc

Phan Chiên Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61141397/18254823

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng của Văn phòng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp/hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61141397/18254823-TH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) và chi nhánh của Công ty được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kể từ ngày thành lập và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty và chi nhánh theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty và chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi để ngày 30 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61141397/18254823-TH

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

ngày 31 tháng 12 năm 2016

B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		837.739.419.817	723.760.536.538
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	102.917.130.476	70.756.440.806
111	1. Tiền		51.964.130.476	26.981.440.806
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.953.000.000	43.775.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.751.543.907	7.201.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.414.215.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.962.671.833)	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	3.300.000.000	5.750.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		607.098.095.849	476.735.061.218
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	528.648.616.598	404.907.020.042
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	33.515.767.145	35.727.380.860
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	29.875.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	40.737.277.003	33.957.192.647
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7, 8	(25.678.564.897)	(3.856.532.331)
140	IV. Hàng tồn kho	9	119.697.125.564	165.495.812.019
141	1. Hàng tồn kho		119.943.012.890	167.235.568.126
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(245.887.326)	(1.739.756.107)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.275.524.021	3.571.678.588
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	574.208.876	630.769.939
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.701.315.145	2.940.908.649
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		322.730.991.079	416.794.801.765
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		57.734.973.962	95.182.713.962
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	57.632.688.962	94.241.688.962
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	102.285.000	941.025.000
220	II. Tài sản cố định		127.727.451.253	156.318.883.644
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	123.528.970.915	150.750.333.490
222	Nguyên giá		216.691.978.550	218.738.562.166
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(93.163.007.635)	(67.988.228.676)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.198.480.338	5.568.550.154
228	Nguyên giá		13.448.574.227	22.623.770.879
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(9.250.093.889)	(17.055.220.725)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		6.204.557.842	19.098.886.815
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	6.204.557.842	19.098.886.815
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	128.045.550.748	127.325.208.977
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.260.740.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		125.691.049.500	130.687.549.379
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.906.238.752)	(3.362.340.402)
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.018.457.274	18.869.108.367
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.383.893.584	13.017.776.324
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	1.634.563.690	1.536.812.043
269	3. Lợi thế thương mại	15	-	4.314.520.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.160.470.410.896	1.140.555.338.303

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		374.383.071.286	417.683.166.475
310	I. Nợ ngắn hạn		282.569.175.776	295.331.195.859
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	133.171.828.774	141.070.622.856
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	19.807.398.197	7.415.154.086
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	13.286.570.146	16.151.121.272
314	4. Phải trả người lao động		19.694.335.534	17.271.074.364
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		6.169.536.781	1.421.608.611
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		289.408.000	284.419.200
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.403.332.921	19.188.213.379
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	76.748.388.917	86.801.726.421
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	2.982.328.639	2.906.473.766
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	7.016.047.867	2.820.781.904
330	II. Nợ dài hạn		91.813.895.510	122.351.970.616
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	65.049.335.834	114.012.260.006
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	26.764.559.676	8.339.710.610
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		786.087.339.610	722.872.171.828
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	786.087.339.610	722.872.171.828
411	1. Vốn cổ phần		465.973.750.000	415.719.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		465.973.750.000	415.719.980.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.697.010.000	88.712.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.353.000.000)	(1.281.500.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		35.775.255.576	33.775.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		180.012.576.856	161.900.498.675
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		85.273.429.875	88.712.527.976
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		94.739.146.981	73.187.970.699
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	11.781.747.178	18.845.927.577
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.160.470.410.896	1.140.555.338.303

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Kê toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiên Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.301.579.187.148	723.315.713.867
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	(47.527.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	1.301.579.187.148	723.268.186.867
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(1.023.490.251.526)	(496.605.482.666)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		278.088.935.622	226.662.704.201
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	17.260.738.239	9.223.973.731
22	7. Chi phí tài chính	27	(14.456.415.781)	(30.946.203.216)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(10.748.143.428)	(4.270.329.416)
24	8. Lợi nhuận từ công ty liên kết	13.1	-	(614.508.950)
25	9. Chi phí bán hàng	28	(36.769.772.678)	(25.431.452.402)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(134.373.436.893)	(84.409.381.479)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		109.750.048.509	94.485.131.885
31	12. Thu nhập khác	29	4.262.402.953	15.831.239.133
32	13. Chi phí khác	29	(2.446.035.899)	(22.965.360.056)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	29	1.816.367.054	(7.134.120.923)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		111.566.415.563	87.351.010.962
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(17.526.272.784)	(13.513.288.570)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	31.3	97.751.647	(690.018.607)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		94.137.894.426	73.147.703.785
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	22.1	94.739.146.981	73.187.970.699
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24	(601.252.555)	(40.266.914)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	2.050	1.455
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	2.050	1.455

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Kê toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiển Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 theo phương pháp trực tiếp

B02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.320.230.942.066	648.984.488.559
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(983.878.471.377)	(540.365.746.768)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(82.324.736.401)	(72.029.476.988)
04	Tiền chi trả lãi		(10.925.310.358)	(4.094.539.049)
05	Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(24.327.333.140)	(9.914.308.638)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.313.807.586	55.547.018.543
07	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(111.150.998.003)	(94.934.550.601)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		127.937.900.373	(16.807.114.942)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(16.117.872.952)	(42.941.975.804)
22	Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		541.868.342	92.727.273
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(25.230.000.000)	(6.750.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.513.700.000	12.789.871.507
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác		-	(12.045.000.000)
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác		3.900.016.491	11.240.722.783
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.716.807.734	4.541.689.494
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(14.675.480.385)	(33.071.964.747)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		7.985.000.000	23.901.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(71.500.000)	(1.210.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		522.259.718.704	221.663.611.807
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(584.249.206.340)	(134.126.683.114)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.445.460.640)	(43.993.564.275)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(81.521.448.276)	66.234.364.418
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		31.740.971.712	16.355.284.729
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		70.756.440.806	54.385.152.551
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		419.717.958	16.003.526
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	102.917.130.476	70.756.440.806

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Kê toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiển Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 9 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại số 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, số 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 316 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 292).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 3 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
2	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
2	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

Trong năm, Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom, một công ty con của Công ty. Ngoài ra, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới, dẫn đến mất quyền kiểm soát tại một công ty con khác là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (xem Thuyết minh số 13). Theo đó, Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới và Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn không còn là công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Quyền sử dụng đất	42 năm
Máy móc, thiết bị	2-8 năm
Phương tiện vận tải	5-10 năm
Thiết bị văn phòng	3-8 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 năm đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ; và
- Các chi phí khác.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu các dự án đầu tư hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá lại xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.825.182.080	1.123.939.402
Tiền gửi ngân hàng	50.138.948.396	25.857.501.404
Các khoản tương đương tiền (*)	50.953.000.000	43.775.000.000
TỔNG CỘNG	102.917.130.476	70.756.440.806

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,4% đến 4,8%/năm.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
- tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	522.259.718.704	221.663.611.807
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(584.249.206.340)	(134.126.683.114)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh:						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	67.295.740	103.250.000	-	67.295.740	99.557.400	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4.346.920.000	1.384.248.167 (2.962.671.833)		4.346.920.000	1.384.248.167 (2.962.671.833)	
TỔNG CỘNG	4.414.215.740	1.487.498.167 (2.962.671.833)		4.414.215.740	1.483.805.567 (2.962.671.833)	

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.300.000.000	3.300.000.000	5.750.000.000	5.750.000.000
TỔNG CỘNG	3.300.000.000	3.300.000.000	5.750.000.000	5.750.000.000

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng TNHH Indovina và hưởng lãi suất từ 7,2%/năm đến 7,4%/năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	522.208.813.312	401.026.354.219
- Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	136.972.379.433	15.660.434.758
- BQL Dự án Hệ thống Quản lý Hàng hải Tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu	60.066.760.096	12.380.964.515
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel	20.932.330.865	65.533.988.951
- Công ty TNHH Comverse	20.081.101.000	108.361.765.400
- Tổng Công ty Truyền thông VNPT-Media	33.812.183.940	3.080.364.488
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	46.353.030.630	45.857.263.330
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	21.726.000.000	16.070.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	182.265.027.348	134.081.572.777
Phải thu từ các bên liên quan		
(Thuyết minh số 32)	6.439.803.286	3.880.665.823
TỔNG CỘNG	528.648.616.598	404.907.020.042
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng	57.632.688.962	94.241.688.962
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	57.632.688.962	94.241.688.962
TỔNG CỘNG	57.632.688.962	94.241.688.962
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.112.032.414)	(1.932.232.331)
Trong đó:		
Ngắn hạn	(3.112.032.414)	(1.932.232.331)
Dài hạn	-	-

(*) Khoản phải thu từ Cục Hàng hải Việt Nam được sử dụng để thế chấp cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 19.2.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	20.515.767.145	22.727.380.860
- Công ty TNHH Techcovina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Công ty TNHH Nhà Nguyễn	5.120.219.947	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Deltatech	2.840.872.250	2.840.872.250
- Công ty Cổ phần Giải pháp Giao thông Thông minh	2.619.000.000	-
- Các khoản trả trước khác	4.553.794.428	14.504.628.090
Trả trước cho bên liên quan		
(Thuyết minh số 32)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	33.515.767.145	35.727.380.860

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay ngắn hạn	20.775.000.000	6.000.000.000
- Bà Nguyễn Phương Hải (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	14.400.000.000	-
- Các khoản cho vay khác	375.000.000	-
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan	9.100.000.000	-
(Thuyết minh số 32)		
TỔNG CỘNG	29.875.000.000	6.000.000.000

Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi (14.400.000.000)

(*) Đây là khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 VND, lãi suất 9%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu Công ty CPĐT Thương mại Bắc Hà (i)	4.800.000.000	-	5.900.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	(1.015.586.838)	-	-
Phải thu Công ty Cổ phần Vật liệu mới Bắc Kạn	4.289.885.279	(2.797.185.279)	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	13.501.538.353	-	3.966.886.744	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.579.888.112	-	3.530.414.291	-
Phải thu hàng mượn thử nghiệm (ii)	5.377.568.632	-	8.130.772.138	-
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	(2.348.010.366)	2.348.010.366	-
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	(2.005.750.000)	2.005.750.000	(1.924.300.000)
Phải thu Ông Đặng Tùng Anh	-	-	1.700.000.000	-
Phải thu Bà Phan Thị Thùy Dung	-	-	1.100.000.000	-
Phải thu khác từ các công ty và cá nhân khác	3.918.426.492	-	5.275.359.108	-
	40.737.277.003	(8.166.532.483)	33.957.192.647	(1.924.300.000)
Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	102.285.000	-	941.025.000	-
	102.285.000	-	941.025.000	-
TỔNG CỘNG	40.839.562.003	(8.166.532.483)	34.898.217.647	(1.924.300.000)
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác	36.549.676.724	(5.369.347.204)	34.898.217.647	(1.924.300.000)
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	4.289.885.279	(2.797.185.279)		

(i) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà vì liên quan đến khoản góp vốn đầu tư vào một dự án bất động sản trong năm 2007. Công ty hiện đang làm việc với các nhà đầu tư khác có liên quan đến dự án bất động sản này để thu hồi khoản góp vốn nêu trên.

(ii) Phải thu hàng cho mượn thử nghiệm chủ yếu bao gồm giá trị hàng hóa cho nhân viên mượn để thực hiện lắp đặt chạy thử cho khách hàng.

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	30.100.031.553	-
Nguyên liệu, vật liệu	14.500.000	-	411.283.567	-
Công cụ, dụng cụ	2.532.000	-	1.015.163.251	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.485.902.351	-	79.871.017.034	-
Thành phẩm	215.928.856	-	1.208.910.723	-
Hàng hóa	47.224.149.683	(245.887.326)	54.629.161.998	(1.739.756.107)
TỔNG CỘNG	119.943.012.890	(245.887.326)	167.235.568.126	(1.739.756.107)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	1.739.756.107	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.365.273.660	1.739.756.107
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(192.043.386)	-
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(2.667.099.055)	-
Số cuối năm	245.887.326	1.739.756.107

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	82.210.415.487	92.714.633.262	26.690.365.440	16.744.439.895	378.708.082	218.738.562.166
- Mua trong năm	-	2.813.932.316	2.687.674.545	4.345.306.621	-	9.846.913.482
- Đầu tư XDCB hoàn thành	610.561.147	-	-	1.746.914.984	-	2.357.476.131
- Thanh lý, nhượng bán	-	(399.920.831)	-	-	-	(399.920.831)
- Giảm do chuyển nhượng công ty con	(2.907.953.092)	(10.600.191.224)	-	(113.246.094)	(229.661.988)	(13.851.052.398)
Số dư cuối năm	79.913.023.542	84.528.453.523	29.378.039.985	22.723.415.406	149.046.094	216.691.978.550
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	14.988.764.808	10.442.944.353	3.273.824.767	-	28.705.533.928
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	11.030.720.249	30.447.919.350	18.529.699.682	7.771.613.341	208.276.054	67.988.228.676
- Khấu hao trong năm	3.316.846.233	20.284.536.864	3.229.555.007	3.189.758.334	44.908.703	30.065.605.141
- Thanh lý, nhượng bán	-	(237.567.934)	-	-	-	(237.567.934)
- Giảm do chuyển nhượng công ty con	(1.161.862.530)	(3.247.057.971)	-	(59.331.702)	(185.006.045)	(4.653.258.248)
Số dư cuối năm	13.185.703.952	47.247.830.309	21.759.254.689	10.902.039.973	68.178.712	93.163.007.635
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	71.179.695.238	62.266.713.912	8.160.665.758	8.972.826.554	170.432.028	150.750.333.490
Số dư cuối năm	66.727.319.590	37.280.623.214	7.618.785.296	11.821.375.433	80.867.382	123.528.970.915
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	57.867.712.442	-	29.225.697	-	-	57.896.938.139

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền khai thác thăm dò	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	11.100.000.000	11.480.730.998	43.039.881	22.623.770.879
- Mua trong năm	-	1.924.803.348	-	1.924.803.348
- Giảm do chuyển nhượng công ty con	(11.100.000.000)	-	-	(11.100.000.000)
Số dư cuối năm	-	13.405.534.346	43.039.881	13.448.574.227
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	10.020.833.333	7.020.758.102	13.629.290	17.055.220.725
- Hao mòn trong năm	1.079.166.667	2.207.098.525	8.607.972	3.294.873.164
- Giảm do chuyển nhượng công ty con	(11.100.000.000)	-	-	(11.100.000.000)
Số dư cuối năm	-	9.227.856.627	22.237.262	9.250.093.889
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	1.079.166.667	4.459.972.896	29.410.591	5.568.550.154
Số dư cuối năm	-	4.177.677.719	20.802.619	4.198.480.338

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cục Công nghệ Thông tin	7.341.257.600	-
Công ty Cổ phần VETC	2.456.012.750	-
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	-	3.420.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 194	-	3.103.725.086
Người mua trả tiền trước khác	1.050.185.330	891.429.000
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	8.959.942.517	-
TỔNG CỘNG	19.807.398.197	7.415.154.086

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.895.608.854	72.000.277.933	65.762.346.025	9.133.540.762
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.807.456.886	1.807.456.886	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.1)	9.996.939.248	17.531.708.784	24.327.333.140	3.201.314.892
Thuế thu nhập cá nhân	203.268.712	4.916.692.247	4.692.997.809	426.963.150
Thuế nhà thầu	208.281.543	6.564.207.259	6.361.308.539	411.180.263
Các loại thuế khác	2.847.022.915	307.046.258	3.040.498.094	113.571.079
TỔNG CỘNG	16.151.121.272	103.127.389.367	105.991.940.493	13.286.570.146

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	830.673.979	4.237.111.960
Quý hoạt động của Hội đồng Quản trị	-	3.404.882.230
Phải trả hàng nhận bảo hành	274.690.908	3.410.410.576
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	885.264.713	4.685.264.713
Nhập khẩu ủy thác phải trả		-
Cổ tức phải trả cho cổ đông	815.660.688	795.003.288
Các khoản phải trả phải nộp khác	597.042.633	2.655.540.612
TỔNG CỘNG	3.403.332.921	19.188.213.379

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Dự phòng	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay cá nhân	8.502.700.000	8.502.700.000	400.480.355	(8.903.180.355)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	17.900.355.000	17.900.355.000	22.976.516.000	(22.409.771.000)	-	18.467.100.000	18.467.100.000
Vay ngân hàng	60.398.671.421	60.398.671.421	521.859.239.036	(523.915.859.090)	(60.762.450)	58.281.288.917	58.281.288.917
	86.801.726.421	86.801.726.421	545.236.235.391	(555.228.810.445)	(60.762.450)	76.748.388.917	76.748.388.917
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	114.012.260.006	114.012.260.006	8.431.168.078	(57.394.092.250)	-	65.049.335.834	65.049.335.834
	114.012.260.006	114.012.260.006	8.431.168.078	(57.394.092.250)	-	65.049.335.834	65.049.335.834
TỔNG CỘNG	200.813.986.427	200.813.986.427	553.667.403.469	(612.622.902.695)	(60.762.450)	141.797.724.751	141.797.724.751

19.1 Các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thăng Long	2.676.960.000	-	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 25 tháng 2 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng	6,5%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	53.604.328.917	2.352.099	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 29 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng	2,5% - 2,7%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.000.000.000	-	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 12 tháng 6 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng	5,8%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	58.281.288.917	2.352.099			

19.2 Các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội	83.516.435.834	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2022	9,3%	Khoản vay được thế chấp bằng khoản phải thu từ dự án VTS Hải Phòng (Thuyết minh số 6.1)
TỔNG CỘNG	83.516.435.834			
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả	18.467.100.000			
- Vay dài hạn	65.049.335.834			

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	2.982.328.639	2.906.473.766
Dự phòng chi phí bảo hành	2.982.328.639	2.906.473.766
TỔNG CỘNG		
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	26.764.559.676	8.339.710.610
TỔNG CỘNG	26.764.559.676	8.339.710.610

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty và các công ty con đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty và các công ty con được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty và các công ty con ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.820.781.904	2.705.536.177
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 22.1)	7.500.000.000	6.800.000.000
Sử dụng trong năm	(3.304.734.037)	(6.684.754.273)
Số dư cuối năm	7.016.047.867	2.820.781.904

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước								
Số dư đầu năm	379.399.090.000	118.432.900.000	(71.500.000)	36.101.340.540	5.200.000.000	142.832.618.776	17.595.251.424	699.489.700.740
- Tăng vốn	36.320.890.000	(29.720.890.000)	-	-	-	-	375.000.000	6.975.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	73.187.970.699	(40.266.914)	73.147.703.785
- Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	-	-	-	915.943.067	915.943.067
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(45.520.090.800)	-	(45.520.090.800)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.800.000.000)	-	(6.800.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.210.000.000)	-	-	-	-	(1.210.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	(4.126.084.964)	-	-	-	(4.126.084.964)
Số dư cuối năm	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	161.900.498.675	18.845.927.577	722.872.171.828
Năm trước								
Số dư đầu năm	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	-	5.200.000.000	161.900.498.675	18.845.927.577	722.872.171.828
- Tăng vốn (*)	50.253.770.000	(15.000.000)	-	-	-	(42.253.770.000)	-	7.985.000.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	94.739.146.981	(601.252.555)	94.137.894.426
- Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	-	-	-	(6.462.927.844)	(6.462.927.844)
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(24.873.298.800)	-	(24.873.298.800)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	-	(7.500.000.000)
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(71.500.000)	-	-	-	-	(71.500.000)
Số dư cuối năm	465.973.750.000	88.697.010.000	(1.353.000.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	180.012.576.856	11.781.747.178	786.087.339.610

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 001/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 001/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2016/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 2 năm 2016 về việc phát hành và niêm yết bổ sung 800.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Số cổ phiếu này được chính thức niêm yết từ ngày 9 tháng 5 năm 2016. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cũng đã ban hành Nghị quyết số 02-06/2016/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 6 năm 2016 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức, với tổng số cổ phần phát hành thêm tối đa dự kiến là 4.225.549 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty đã chính thức phát hành và niêm yết 4.225.377 cổ phiếu nói trên.

22.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VND

	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	465.973.750.000	465.973.750.000	-	415.719.980.000	415.719.980.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.697.010.000	88.697.010.000	-	88.712.010.000	88.712.010.000	-
Cổ phiếu quỹ	(1.353.000.000)	(1.353.000.000)	-	(1.281.500.000)	(1.281.500.000)	-
TỔNG CỘNG	553.317.760.000	553.317.760.000	-	503.150.490.000	503.150.490.000	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu năm	415.719.980.000	379.399.090.000
Tăng vốn trong năm	50.253.770.000	36.320.890.000
Số cuối năm	465.973.750.000	415.719.980.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	24.873.298.800	45.520.090.800

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND)

22.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	24.873.298.800	45.520.090.800
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	24.873.298.800	45.520.090.800
- Cổ tức cho năm 2014: 1.200 VND/ cổ phiếu	-	45.520.090.800
- Cổ tức cho năm 2015: 600 VND/ cổ phiếu	24.873.298.800	
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2016		

22.5 Cổ phiếu

	Năm nay		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	46.597.375	465.973.750.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu đã phát hành	46.597.375	465.973.750.000	41.571.998	415.719.980.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	46.597.375	465.973.750.000	41.571.998	415.719.980.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	46.597.375	465.973.750.000	41.571.998	415.719.980.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	123.000	1.353.000.000	116.500	1.281.500.000
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	123.000	1.353.000.000	116.500	1.281.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	123.000	1.353.000.000	116.500	1.281.500.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	46.474.375	464.620.750.000	41.455.498	414.438.480.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	46.474.375	464.620.750.000	41.455.498	414.438.480.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Năm nay	Năm trước
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	115.636,36	13.805,97
Bảng Anh (GBP)	990,14	-
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	6.057.777.778	6.057.777.778

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2015: 10.000 VND)

(*) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogé France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 VND và khoản phải thu khác (bao gồm cho vay không lãi và lãi vay phải thu) từ công ty này với số tiền là 1.057.777.778 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đã thu hồi được 693.791.507 VND từ khoản cho vay và phải thu nói trên và Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogé France Việt Nam đối với số tiền còn lại (bao gồm cả gốc và lãi) do công ty này không đủ khả năng thanh toán.

24. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Đơn vị tính: VND

	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Tổng cộng
Số đầu năm	(27.619.072)	6.542.776.551	6.396.645.962	5.934.124.136	18.845.927.577
Thay đổi do mất quyền kiểm soát công ty con	58.174.206	(6.521.102.048)	-	-	(6.462.927.844)
Phần lỗ thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm	(30.555.134)	(21.674.503)	(357.520.976)	(191.501.944)	(601.252.555)
Số cuối năm	-	-	6.039.124.986	5.742.622.192	11.781.747.178

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.301.579.187.148	723.315.713.867
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	848.240.053.182	367.902.314.046
Doanh thu cung cấp dịch vụ	401.249.261.746	170.424.593.179
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	52.041.263.130	96.256.780.689
Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác	48.609.090	24.732.025.953
Doanh thu chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản	-	64.000.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	47.527.000
Doanh thu thuần	1.301.579.187.148	723.268.186.867
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	848.240.053.182	367.854.787.046
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	401.249.261.746	170.424.593.179
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm phần mềm	52.041.263.130	96.256.780.689
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác	48.609.090	24.732.025.953
Doanh thu thuần từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản	-	64.000.000.000
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	1.293.973.096.319	723.268.186.867
Doanh thu đối với bên liên quan	7.606.090.829	-
(Thuyết minh số 31)		

25.1 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.183.915.645	3.430.495.755
Cổ tức, lợi nhuận được chia	350.440.200	573.729.559
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	11.591.133.576	2.995.924.403
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.135.200.052	2.223.824.014
Doanh thu tài chính khác	48.766	-
TỔNG CỘNG	17.260.738.239	9.223.973.731

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	678.518.528.694	279.251.334.438
Giá vốn dịch vụ cung cấp	319.359.362.971	110.306.749.016
Giá vốn của thành phẩm phần mềm	25.568.397.260	25.898.415.188
Giá vốn thành phẩm đồng, composite và khác	43.962.601	29.513.163.882
Giá vốn chuyển nhượng quyền tham gia dự án bất động sản	-	51.635.820.142
TỔNG CỘNG	1.023.490.251.526	496.605.482.666

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	10.748.143.428	4.270.329.416
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.595.903.805	8.828.564.295
Dự phòng tổn thất đầu tư	543.898.350	1.664.012.257
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư	1.568.050.108	12.183.118.771
Chi phí từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	4.000.000.000
Chi phí tài chính khác	420.090	178.477
TỔNG CỘNG	14.456.415.781	30.946.203.216

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dự phòng bảo hành thành phẩm phần mềm	550.272.731	500.478.168
Chi phí dự phòng bảo hành phần cứng	19.446.379.477	9.256.679.416
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	316.281.799	331.681.920
Chi phí bán hàng khác	16.456.838.671	15.342.612.898
TỔNG CỘNG	36.769.772.678	25.431.452.402
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	68.862.177.210	56.344.048.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.410.217.530	12.022.446.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.342.854.084	5.240.203.230
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	23.526.816.301	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.916.851.768	8.645.423.228
Phân bổ lợi thế thương mại	4.314.520.000	2.157.260.000
TỔNG CỘNG	134.373.436.893	84.409.381.479

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	4.262.402.953	15.831.239.133
Chiết khấu, thưởng từ nhà cung cấp	2.723.448.185	-
Thu phạt chậm hợp đồng	454.776.011	-
Thu nhập khác từ các chương trình gameshow	-	1.600.000.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	411.500.000	99.877.273
Thu nhập liên quan đến dự án VBCF	-	13.285.945.227
Các khoản khác	672.678.757	845.416.633
Chi phí khác	2.446.035.899	22.965.360.056
Phạt chậm hợp đồng	1.069.619.343	5.883.219.210
Chi phí liên quan đến dự án VBCF	-	11.534.076.691
Phạt chậm nộp thuế từ các năm trước	907.462.142	4.976.135.360
Các khoản khác	468.954.414	571.928.795
LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN	1.816.367.054	(7.134.120.923)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa	8823.055.927.766	390.242.818.765
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.681.063.783	25.342.959.769
Chi phí nhân công	89.931.737.803	79.665.750.559
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	33.360.478.305	32.681.244.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.751.167.527	37.530.299.358
Chi phí dự phòng bảo hành	19.512.072.983	11.648.161.985
Chi phí khác bằng tiền	72.341.012.930	29.335.081.802
TỔNG CỘNG	1.194.633.461.097	606.446.316.547

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

31.1 Chi phí thuế TNDN

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty và Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom (công ty con) được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và công ty con này trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty và các công ty con áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.140.242.714	13.008.040.838
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	386.030.070 (97.751.647)	505.247.732 690.018.607
TỔNG CỘNG	17.428.521.137	14.203.307.177

31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.566.415.563	87.351.010.962
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty và các công ty con	21.135.548.529	11.110.443.161
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Các khoản phạt	80.696.206	1.094.749.779
Chi phí khấu hao vượt định mức	104.098.546	175.095.743
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	848.844.489	565.979.436
Thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	24.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	130.158.402	279.948.474
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	386.030.070	505.247.732
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(97.751.647)	690.018.607
(Thu nhập)/chi phí đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(70.088.040)	880.000.000
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(5.103.197.863)	(172.865.343)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(9.817.555)	(925.310.412)
Chi phí thuế TNDN	17.428.521.137	14.203.307.177

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi/(lỗ) chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	1.634.563.690	1.536.812.043	(97.751.647)	690.018.607
Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(97.751.647)	690.018.607

31.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 3.840.452.257 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
2014	2019	(1.126.726.035)			(1.126.726.035)
2015	2020	(1.794.009.166)			(1.794.009.166)
2016	2021	(919.717.056)			(919.717.056)
TỔNG CỘNG		(3.840.452.257)			(3.840.452.257)

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	300.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Pan -Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng Bán hàng hóa	16.288.578.954 7.606.090.829	-
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	1.038.063.474	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Cho vay không lãi	600.000.000	211.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và bán hàng hóa, dịch vụ cho các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi cho bên liên quan là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn với tổng số tiền là 3.689.885.279 VND. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	597.770.779	-
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	5.842.032.507	3.880.665.823
TỔNG CỘNG			6.439.803.286	3.880.665.823

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2) (*)				
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ ông Phan Chiên Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000	5.980.000.000
TỔNG CỘNG			13.000.000.000	13.000.000.000

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7) (**)				
Ông Nguyễn Văn Hòa	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	6.000.000.000	-
Ông Vũ Văn Cao	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.500.000.000	-
Bà Phùng Thu Phương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	-
TỔNG CỘNG			9.100.000.000	-

(**) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ông Nguyễn Văn Hòa	6.000.000.000	3 tháng	9%/năm	Tín chấp
Ông Vũ Văn Cao	1.500.000.000	5 tháng	8%/năm	Tín chấp
Bà Phùng Thu Phương	1.600.000.000	4 tháng	8%/năm	Tín chấp

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Phải thu đầu tư	3.881.000.000	-
		Lãi vay	408.885.279	-
TỔNG CỘNG			4.289.885.279	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15.2)				
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	7.921.879.043	-
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	1.038.063.474	-
TỔNG CỘNG			8.959.942.517	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.831.646.925	3.487.240.000
TỔNG CỘNG	4.831.646.925	3.487.240.000

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	94.739.146.981	73.187.970.699
Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(7.500.000.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	94.739.146.981	65.687.970.699
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	46.217.665	45.135.670
Ảnh hưởng suy giảm		
Cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	46.217.665	45.135.670
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.050	1.455
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.050	1.455

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(**) Số cổ phiếu bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu của năm 2015 cũng được điều chỉnh để phản ánh ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2016.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty và các công ty con. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty và các công ty con.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

Đơn vị tính: VND

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm khác (Sản phẩm eBop)	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu						
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	54.226.893.525	821.596.372.787	425.707.311.746	48.609.090	-	1.301.579.187.148
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	-	24.573.010.000	7.414.191.838	-	(31.987.201.838)	-
Giá vốn các bộ phận	30.964.372.040	652.834.124.843	339.647.792.042	43.962.601	-	1.023.490.251.526
Kết quả						
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	23.262.521.485	168.762.247.944	86.059.519.704	4.646.489	-	278.088.935.622
<i>Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)</i>						(166.522.520.059)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>						111.566.415.563
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoãn lại</i>						(17.428.521.137)
Lợi nhuận thuần sau thuế						94.137.894.426
Tài sản và công nợ						
<i>Tài sản bộ phận</i>	28.612.343.590	433.508.102.388	224.620.720.101	25.648.159	-	686.766.814.238
<i>Tài sản không phân bổ (*)</i>						473.703.596.658
Tổng tài sản						1.160.470.410.896
<i>Công nợ bộ phận</i>	8.004.580.305	121.278.091.313	62.839.822.493	7.175.321	-	192.129.669.432
<i>Công nợ không phân bổ (*)</i>						182.253.401.854
Tổng công nợ						374.383.071.286

Đơn vị tính: VND

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

Thông tin về doanh thu, tổng tài sản và tổng chi phí mua tài sản cố định của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau:

	Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Nước ngoài	Địa phương khác	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	958.238.841.337	21.635.619.685	17.218.213.370	304.486.512.756	1.301.579.187.148
Tổng tài sản không phân bổ					1.160.470.410.896
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ					26.436.730.428

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

								Đơn vị tính: VND
	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Chuyển nhượng bất động sản	Thành phẩm khác (SP eBop)	Thành phẩm đồng, composite, khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu								
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	96.256.780.689	367.854.787.046	170.424.593.179	64.000.000.000	363.418.953	24.368.607.000	-	723.268.186.867
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	-	81.326.589.262	43.142.891.392	-	-	400.000.000	(124.869.480.654)	-
<i>Giá vốn của các bộ phận</i>	25.898.415.188	279.251.334.438	110.306.749.016	51.635.820.142	313.129.150	29.200.034.732	-	496.605.482.666
Kết quả								
<i>Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận</i>	70.358.365.501	88.603.452.608	60.117.844.163	12.364.179.858	50.289.803	(4.831.427.732)	-	226.662.704.201
<i>Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)</i>								(139.311.693.239)
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>								87.351.010.962
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoãn lại</i>								(14.203.307.177)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế								73.147.703.785
Tài sản và công nợ								
<i>Tài sản bộ phận</i>	83.106.729.856	317.600.570.000	147.142.160.009	55.256.686.051	313.770.734	21.039.507.290	-	624.459.423.940
<i>Tài sản không phân bổ (**)</i>								516.095.914.363
Tổng tài sản								1.140.555.338.303
<i>Công nợ bộ phận</i>	24.398.578.025	93.241.573.834	43.198.179.955	16.222.327.221	92.117.206	6.176.804.947	-	183.329.581.188
<i>Công nợ không phân bổ (***)</i>								234.353.585.287
Tổng công nợ								417.683.166.475

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

(***) Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

Thông tin về doanh thu, tổng tài sản và tổng chi phí mua tài sản cố định của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau:

						Đơn vị tính: VND
	Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Nước ngoài	Địa phương khác	Tổng cộng	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày						
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	451.040.531.176	20.022.971.016	69.769.771.820	182.434.912.855	723.268.186.867	
Tổng tài sản không phân bổ					1.140.555.338.303	
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ					107.100.726.513	

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào thời điểm cuối năm, Công ty và các công ty con có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.070.600.000	2.057.340.000
Trên 1 – 5 năm	-	6.385.002.000
TỔNG CỘNG	2.070.600.000	8.442.342.000

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.051.208.560	3.644.285.020
Trên 1 – 5 năm	-	552.844.294
TỔNG CỘNG	3.051.208.560	4.197.129.314

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

Đơn vị tính: VND

STT	Cam kết góp vốn của Công ty	Cam kết góp vốn của Công ty	Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
1	Công ty Cổ phần Atani Holdings	22.500.000.000	11.895.000.000	10.605.000.000
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
5	Dự án Trần Phú - Công ty CPĐT và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
	TỔNG CỘNG	513.418.000.000	68.787.240.000	444.630.760.000

Các tổn thất tiềm tàng

Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 16 tháng 2 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2017/NQ-HĐQT về việc phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ nhân viên (ESOP), với số cổ phiếu dự kiến phát hành là 1.000.000 cổ phiếu, mức giá phát hành là 10.000 VND cho mỗi cổ phiếu. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2017, Công ty đã phát hành số cổ phiếu nói trên.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG**

Trụ sở : Tòa nhà Elcom - Duy Tân - Cầu Giấy- Hà Nội

Tel : 04 38 359 359 Fax : 04 38 355 884

Website: www.elcom.com.vn